

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Quyết định số 3860/QĐ-ĐHYD ngày 15 tháng 7 năm 2025 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

- |                                          |                    |
|------------------------------------------|--------------------|
| 1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt) | : Y khoa           |
| 2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh)  | : General Medicine |
| 3. Trình độ đào tạo                      | : Đại học          |
| 4. Định hướng đào tạo                    | : Nghề nghiệp      |
| 5. Mã ngành đào tạo                      | : 7720101          |
| 6. Thời gian đào tạo                     | : 6 năm            |
| 7. Loại hình đào tạo                     | : Chính quy        |

**B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo Bác sĩ Y khoa có kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp để xác định, đề xuất và trực tiếp tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe, có năng lực nghiên cứu khoa học, tự học tập để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Kiến thức:

PO.01. Trang bị cho người học kiến thức về giáo dục chính trị, Quốc phòng – An ninh, giáo dục thể chất, ngoại ngữ và nền tảng kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành y học, đáp ứng yêu cầu thực hành nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

- Kỹ năng:

PO.02. Hình thành cho người học năng lực vận dụng kiến thức y học trong khám, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc người bệnh; đồng thời có kỹ năng tổ chức, quản lý và phối hợp hiệu quả trong hoạt động chuyên môn.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

PO.03. Phát triển cho người học phẩm chất nghề nghiệp, đạo đức y học, tinh thần trách nhiệm, năng lực tự chủ và tuân thủ các quy định pháp luật trong hành nghề y.

**2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

| Ký hiệu       | Chủ đề chuẩn đầu ra                                                                                                                                                                                                                                                       | Trình độ năng lực |
|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>1</b>      | <b>Kiến thức</b>                                                                                                                                                                                                                                                          |                   |
| <b>1.1</b>    | <b>Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế</b>                                                                                                                                                                                                                             |                   |
| <b>PLO.01</b> | <b>Vận dụng kiến thức về phát triển nhân văn, giáo dục thể chất, ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong thực hành y khoa.</b>                                                                                                                                             | <b>III</b>        |
| <b>PI01.1</b> | Kiến thức về giáo dục chính trị: Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống và nghề nghiệp. | III               |

| Ký hiệu | Chủ đề chuẩn đầu ra                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Trình độ năng lực |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| PI01.2  | Kiến thức về Quốc phòng - An ninh: Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; vận dụng được các kiến thức Quốc phòng-An ninh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.                                                                                                                                           | III               |
| PI01.3  | Kiến thức về giáo dục thể chất: Có chứng chỉ Giáo dục thể chất, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.                                                                                                                                                                                                       | III               |
| PI01.4  | Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo Quy định chung của Đại học Huế để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.                                                                                                                             | III               |
| PI01.5  | Kiến thức về Công nghệ thông tin: Đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.                                                                      | III               |
| 1.2     | <b>Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo và nhóm ngành</b>                                                                                                                                                                                                                                                 |                   |
| PLO.02  | <b>Áp dụng kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở trong thực hành y khoa.</b>                                                                                                                                                                                                                                    | III               |
| PI02.1  | Vận dụng được các kiến thức về thống kê, tin học, vật lý-lý sinh, hóa học, sinh học và tiếng Anh chuyên ngành trong thực hành chăm sóc sức khỏe.                                                                                                                                                                   | III               |
| PI02.2  | Áp dụng được các kiến thức cơ bản lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, truyền thông, Giáo dục sức khỏe - Dân số học và tính chuyên nghiệp để vận dụng cho các giai đoạn tiếp theo của chương trình học.                                                                                                    | III               |
| PI02.3  | Vận dụng được các kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng cơ thể người trong điều kiện bình thường và bệnh lý từ mức phân tử đến mức cơ thể (giải phẫu học, mô học, sinh hoá học, sinh lý học, dược lý học, miễn dịch học, di truyền y học, vi trùng học và ký sinh trùng học) trong thực hành chăm sóc sức khỏe. | III               |
| 1.3     | <b>Kiến thức ngành/chuyên ngành, bổ trợ, thực tập và tốt nghiệp</b>                                                                                                                                                                                                                                                |                   |
| PLO.03  | <b>Vận dụng kiến thức nghiên cứu khoa học, y học bằng chứng và y học lâm sàng trong thực hành chăm sóc sức khỏe nhân dân.</b>                                                                                                                                                                                      | IV                |
| PI03.1  | Vận dụng được các kiến thức về nghiên cứu khoa học để nghiên cứu các vấn đề về triệu chứng học, bệnh học và thực hành chăm sóc, điều trị các bệnh thường gặp.                                                                                                                                                      | IV                |
| PI03.2  | Hiểu biết phương pháp hỏi bệnh để thu thập triệu chứng cơ năng và nắm được các tiêu chuẩn chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa.                                                                                                                                                                                         | IV                |
| PI03.3  | Áp dụng được các kiến thức để chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng và hình ảnh học phù hợp.                                                                                                                                                                                                                            | IV                |
| PI03.4  | Áp dụng được các kiến thức để chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp và bệnh chuyên khoa.                                                                                                                                                                                                                       | IV                |
| PLO.04  | <b>Liên kết được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để tiến hành phòng ngừa bệnh tật và đề xuất các giải pháp can thiệp chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.</b>                                                                                                                                               | IV                |

| <b>Ký hiệu</b> | <b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Trình độ năng lực</b> |
|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| PI04.1         | Vận dụng các kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành để khai thác được triệu chứng cơ năng, thực hành thăm khám lâm sàng, phát hiện được các triệu chứng thực thể và các dấu hiệu bệnh lý trong giai đoạn sớm, đưa ra chẩn đoán xác định sớm, chính xác cũng như các chẩn đoán phân biệt thích hợp. | IV                       |
| PI04.2         | Áp dụng các kiến thức trong chăm sóc, tư vấn, phòng ngừa các bệnh thường gặp, hướng dẫn bệnh nhân chế độ sinh hoạt, dinh dưỡng và làm việc phù hợp.                                                                                                                                                 | IV                       |
| PI04.3         | Áp dụng các kiến thức y học cơ sở và chuyên ngành để phát hiện, lập kế hoạch và xử trí các vấn đề sức khỏe tại cộng đồng.                                                                                                                                                                           | IV                       |
| <b>2</b>       | <b>Kỹ năng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                          |
| <b>2.1</b>     | <b>Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề</b>                                                                                                                                                                                                                                                 |                          |
| <b>PLO.05</b>  | <b>Phân tích các vấn đề lâm sàng thường gặp dựa trên lập luận lâm sàng và bằng chứng y học.</b>                                                                                                                                                                                                     | <b>IV</b>                |
| PI05.1         | Có khả năng phân tích kiến thức về y học để lập luận và giải quyết các tình huống lâm sàng thường gặp trong thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh, đáp ứng các chuẩn năng lực do Bộ Y tế quy định.                                                                                                 | IV                       |
| PI05.2         | Có khả năng phân tích kiến thức y học để lập luận và giải quyết các vấn đề lâm sàng thường gặp, phù hợp với quy định của pháp luật và các hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại cơ sở y tế và cộng đồng.                                                                              | IV                       |
| <b>2.2</b>     | <b>Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức</b>                                                                                                                                                                                                                                                     |                          |
| <b>PLO.06</b>  | <b>Thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học và đánh giá vấn đề khoa học dựa trên y học bằng chứng.</b>                                                                                                                                                                                         | <b>IV</b>                |
| PI06.1         | Thực hiện và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học.                                                                                                                                                                                                                                             | IV                       |
| PI06.2         | Áp dụng y học bằng chứng trong chẩn đoán và điều trị.                                                                                                                                                                                                                                               | IV                       |
| <b>2.3</b>     | <b>Kỹ năng tư duy hệ thống</b>                                                                                                                                                                                                                                                                      |                          |
| <b>PLO.07</b>  | <b>Áp dụng kiến thức y học trong chẩn đoán, can thiệp sớm các bệnh lý thường gặp và xử trí chăm sóc các tình huống cấp cứu.</b>                                                                                                                                                                     | <b>III</b>               |
| PI07.1         | Thực hiện được chẩn đoán, sơ cứu và can thiệp sớm đối với các bệnh lý thường gặp và các bệnh cấp cứu.                                                                                                                                                                                               | III                      |
| PI07.2         | Thực hiện được hồi sức và chăm sóc tích cực.                                                                                                                                                                                                                                                        | III                      |
| PI07.3         | Thực hiện chuyên tuyến đúng lúc, phù hợp phân tuyến kỹ thuật trong hệ thống y tế và phù hợp hướng dẫn quốc gia đối với các bệnh cấp cứu.                                                                                                                                                            | III                      |
| <b>2.4</b>     | <b>Kỹ năng nghề nghiệp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                          |                          |
| <b>PLO.08</b>  | <b>Áp dụng kiến thức y học hiện đại và y học cổ truyền trong thực hiện thủ thuật thông thường, điều trị hiệu quả và kê đơn thuốc an toàn, hợp lý.</b>                                                                                                                                               | <b>III</b>               |
| PI08.1         | Vận dụng kiến thức y học hiện đại và y học cổ truyền trong lựa chọn phương pháp điều trị phù hợp.                                                                                                                                                                                                   | III                      |
| PI08.2         | Thực hiện đúng quy trình và kỹ thuật các thủ thuật thông thường, bảo đảm an toàn cho người bệnh.                                                                                                                                                                                                    | III                      |
| PI08.3         | Theo dõi, đánh giá đáp ứng điều trị và điều chỉnh biện pháp điều trị phù hợp nhằm đạt hiệu quả lâm sàng.                                                                                                                                                                                            | III                      |

| Ký hiệu       | Chủ đề chuẩn đầu ra                                                                                                                                                                                     | Trình độ năng lực |
|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| PI08.4        | Thực hiện kê đơn thuốc bảo đảm đúng chỉ định, liều lượng, đường dùng, tương tác thuốc và tuân thủ các quy định hiện hành.                                                                               | III               |
| <b>PLO.09</b> | <b>Phân tích các vấn đề sức khỏe thường gặp trong cộng đồng và đề xuất giải pháp can thiệp thông qua phối hợp liên ngành hiệu quả.</b>                                                                  | <b>III</b>        |
| PI09.1        | Tham gia sàng lọc các bệnh lý thường gặp, kiểm soát các bệnh lây nhiễm trong cộng đồng.                                                                                                                 | III               |
| PI09.2        | Tạo lập mối liên hệ liên ngành, kỹ năng làm việc nhóm và phối hợp các chuyên khoa trong xử trí, hội chẩn các bệnh lý liên quan.                                                                         | III               |
| PI09.3        | Tuyên truyền, giáo dục các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.                                                                       | III               |
| PI09.4        | Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe.                                                                 | III               |
| <b>3</b>      | <b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>                                                                                                                                                                   |                   |
| <b>3.1</b>    | <b>Tự chủ và trách nhiệm với cá nhân, nghề nghiệp</b>                                                                                                                                                   |                   |
| <b>PLO.10</b> | <b>Thể hiện tính chuyên nghiệp trong hành nghề y thông qua việc tuân thủ quy định pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và thích ứng với bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội và điều kiện thực tế.</b> | <b>IV</b>         |
| PI10.1        | Tuân thủ các quy định pháp luật.                                                                                                                                                                        | IV                |
| PI10.2        | Tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng giá trị quyền con người của bệnh nhân và đồng nghiệp trong khi thực hành nghề nghiệp.                                                          | IV                |
| PI10.3        | Có năng lực tự chủ thực hiện và chịu trách nhiệm các quyết định thực hành lâm sàng, thực hành chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.                                                            | IV                |
| <b>3.2</b>    | <b>Tự chủ và trách nhiệm với xã hội</b>                                                                                                                                                                 |                   |
| <b>PLO.11</b> | <b>Thể hiện năng lực học tập suốt đời nhằm phát triển cá nhân và nghề nghiệp.</b>                                                                                                                       | <b>III</b>        |
| PI11.1        | Có năng lực tự học, làm việc độc lập, làm việc nhóm trong công việc hàng ngày hoặc khi có tình huống cấp cứu.                                                                                           | III               |
| PI11.2        | Có năng lực thực hiện nghiên cứu, cập nhật kiến thức nghề nghiệp liên tục thông qua các hoạt động nghiên cứu, các chương trình đào tạo.                                                                 | III               |
| PI11.3        | Có kế hoạch học tập suốt đời để nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.                                                                                                                 | III               |

**Ghi chú:** Trình độ năng lực

| Trình độ năng lực | Mức độ đối với nhóm thang đo kiến thức (Bloom, 2001) | Mô tả                        |
|-------------------|------------------------------------------------------|------------------------------|
| I                 | Nhớ                                                  | Có khả năng tìm kiếm và nhớ  |
| II                | Hiểu                                                 | Có hiểu biết/có thể tham gia |
| III               | Vận dụng                                             | Có khả năng vận dụng         |

|    |           |                                                   |
|----|-----------|---------------------------------------------------|
| IV | Phân tích | Có khả năng phân tích                             |
| V  | Đánh giá  | Có khả năng đánh giá                              |
| VI | Sáng tạo  | Có khả năng sử dụng thông tin để sáng tạo cái mới |

### 3. Đối tượng tuyển sinh

#### 3.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức)

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

#### 3.2. Đối tượng dự tuyển quy định phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

### 4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế.

Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và Quyết định số 2583/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

### 5. Cấu trúc của chương trình đào tạo

| Module số | Tên Module                                                                    | Mã học phần     | Nội dung Module                                                                                             | ĐVTC | LT | TH |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----|----|
| 1         | Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục Y học | 101.DHY.1.00.2  | Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học                               | 2    | 2  |    |
| 2         | Phát triển thể chất và Năng lực ngoại ngữ cơ bản                              | 101.DHF.1.00.07 | NNCB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên (07 ĐVTC) | 7    | 7  |    |
| 3         | Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành                                 | 101.LLCT.1.01.3 | Triết học Mác - Lênin                                                                                       | 15   | 15 |    |
|           |                                                                               | 101.LLCT.1.02.2 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                                                                               |      |    |    |
|           |                                                                               | 101.LLCT.1.03.2 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                                                                   |      |    |    |
|           |                                                                               | 101.LLCT.1.04.2 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                                                                              |      |    |    |
|           |                                                                               | 101.LLCT.1.05.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                                                                        |      |    |    |
|           |                                                                               | 101.MD03.1.06.2 | Tiếng Anh chuyên ngành 1                                                                                    |      |    |    |
|           |                                                                               | 101.MD03.1.07.2 | Tiếng Anh chuyên ngành 2                                                                                    |      |    |    |
| 4         | Khoa học cơ bản                                                               | DHH-AI.01       | Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng                                                         | 10   | 6  | 4  |

| Module số | Tên Module                    | Mã học phần     | Nội dung Module            | ĐVTC | LT | TH |
|-----------|-------------------------------|-----------------|----------------------------|------|----|----|
|           |                               | 101.MD04.2.02.2 | Lý sinh                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Chẩn đoán hình ảnh         |      |    |    |
|           |                               | 101.MD04.2.03.3 | Hóa học                    |      |    |    |
|           |                               | 101.MD04.2.04.2 | Xác suất-Thống kê y học    |      |    |    |
| 5         | Từ phân tử đến tế bào         | 101.MD05.2.01.2 | Sinh học tế bào            | 7    | 4  | 3  |
|           |                               | 101.MD05.3.02.3 | Di truyền Y học            |      |    |    |
|           |                               | 101.MD05.3.03.2 | Hóa sinh cơ sở             |      |    |    |
| 6         | Từ tế bào đến mô              | 101.MD06.3.01.2 | Đại cương về Giải phẫu học | 5    | 3  | 2  |
|           |                               |                 | Mô phôi                    |      |    |    |
|           |                               | 101.MD06.3.02.3 | Sinh lý bệnh đại cương     |      |    |    |
|           |                               |                 | Vì sinh Y học đại cương    |      |    |    |
|           |                               |                 | KST Y học đại cương        |      |    |    |
|           |                               |                 | Dược lý đại cương          |      |    |    |
| 7         | Đề kháng và đáp ứng miễn dịch | 101.MD07.3.01.3 | Giải phẫu bệnh             | 6    | 4  | 2  |
|           |                               |                 | Vi sinh                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Ký sinh trùng              |      |    |    |
|           |                               | 101.MD07.3.02.3 | Miễn dịch                  |      |    |    |
|           |                               |                 | Dược lý                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Huyết học cơ sở            |      |    |    |
| 8         | Hệ Hô hấp                     | 101.MD08.4.01.3 | Giải phẫu                  | 3    | 2  | 1  |
|           |                               |                 | Mô phôi                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Sinh lý                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Sinh lý bệnh               |      |    |    |
|           |                               |                 | Vi sinh                    |      |    |    |
|           |                               |                 | GPB-YP                     |      |    |    |
|           |                               |                 | Dược lý                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Chẩn đoán hình ảnh         |      |    |    |
| 9         | Hệ Tim mạch                   | 101.MD09.4.01.4 | Giải phẫu                  | 4    | 2  | 2  |
|           |                               |                 | Mô phôi                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Sinh lý                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Hóa sinh                   |      |    |    |
|           |                               |                 | Sinh lý bệnh               |      |    |    |
|           |                               |                 | GPB-YP                     |      |    |    |
|           |                               |                 | Dược lý                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Chẩn đoán hình ảnh         |      |    |    |
| 10        | Hệ Cơ xương khớp              | 101.MD10.4.01.3 | Giải phẫu                  | 3    | 2  | 1  |
|           |                               |                 | Mô phôi                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Sinh lý                    |      |    |    |
|           |                               |                 | GPB-YP                     |      |    |    |
|           |                               |                 | Dược lý                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Vi sinh                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Chẩn đoán hình ảnh         |      |    |    |
| 11        | Hệ Tiêu hóa                   | 101.MD11.4.01.4 | Giải phẫu                  | 4    | 2  | 2  |
|           |                               |                 | Mô phôi                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Sinh lý                    |      |    |    |
|           |                               |                 | Hóa sinh                   |      |    |    |
|           |                               |                 | Sinh lý bệnh               |      |    |    |
|           |                               |                 | Vi sinh                    |      |    |    |
|           |                               |                 | GPB-YP                     |      |    |    |
|           |                               |                 | Dược lý                    |      |    |    |

| Module số | Tên Module             | Mã học phần     | Nội dung Module                                      | ĐVTC | LT | TH |
|-----------|------------------------|-----------------|------------------------------------------------------|------|----|----|
|           |                        |                 | Chẩn đoán hình ảnh                                   |      |    |    |
| 12        | Hệ Thận, Tiết niệu     | 101.MD12.4.01.2 | Giải phẫu                                            | 2    | 1  | 1  |
|           |                        |                 | Mô phôi                                              |      |    |    |
|           |                        |                 | Sinh lý                                              |      |    |    |
|           |                        |                 | Hóa sinh                                             |      |    |    |
|           |                        |                 | Sinh lý bệnh                                         |      |    |    |
|           |                        |                 | Vi sinh                                              |      |    |    |
|           |                        |                 | GPB-YP                                               |      |    |    |
|           |                        |                 | Dược lý                                              |      |    |    |
|           |                        |                 | Chẩn đoán hình ảnh                                   |      |    |    |
| 13        | Hệ Thần kinh, Nội tiết | 101.MD13.4.01.3 | Giải phẫu                                            | 3    | 2  | 1  |
|           |                        |                 | Sinh lý                                              |      |    |    |
|           |                        |                 | Sinh lý bệnh                                         |      |    |    |
|           |                        |                 | Vi sinh                                              |      |    |    |
|           |                        |                 | GPB-YP                                               |      |    |    |
|           |                        |                 | Dược lý                                              |      |    |    |
|           |                        |                 | Chẩn đoán hình ảnh                                   |      |    |    |
| 14        | Hệ Sinh sản            | 101.MD14.4.01.2 | Giải phẫu                                            | 2    | 1  | 1  |
|           |                        |                 | Mô phôi                                              |      |    |    |
|           |                        |                 | Sinh lý sinh sản                                     |      |    |    |
|           |                        |                 | Di truyền Y học                                      |      |    |    |
|           |                        |                 | GPB-YP                                               |      |    |    |
|           |                        |                 | Dược lý                                              |      |    |    |
|           |                        |                 | Vi sinh                                              |      |    |    |
|           |                        |                 | Chẩn đoán hình ảnh                                   |      |    |    |
| 15        | Thực hành Y khoa       | 101.MD15.4.01.2 | Điều dưỡng cơ bản                                    | 11   | 2  | 9  |
|           |                        | 101.MD15.4.02.3 | Kỹ năng giao tiếp                                    |      |    |    |
|           |                        |                 | Tiền lâm sàng Nội                                    |      |    |    |
|           |                        |                 | Tiền lâm sàng Ngoại                                  |      |    |    |
|           |                        |                 | Điều dưỡng cơ bản                                    |      |    |    |
|           |                        |                 | Phẫu thuật thực hành                                 |      |    |    |
|           |                        | 101.MD15.4.03.2 | Thực hành Trạm y tế và Phòng khám bác sĩ gia đình    |      |    |    |
|           |                        | 101.MD15.4.04.2 | Phẫu thuật thực hành                                 |      |    |    |
|           |                        |                 | Chẩn đoán hình ảnh                                   |      |    |    |
|           |                        | 101.MD15.4.05.2 | Tiền lâm sàng Sản                                    |      |    |    |
|           |                        |                 | Tiền lâm sàng Nhi                                    |      |    |    |
| 16        | Y học gia đình         | 101.MD16.4.01.3 | Y học gia đình, Kỹ năng tham vấn, Tính chuyên nghiệp | 5    | 2  | 3  |
|           |                        | 101.MD16.4.02.2 | Giáo dục liên ngành                                  |      |    |    |
| 17        | Nội khoa               | 101.MD17.4.01.3 | Triệu chứng học Nội khoa 1                           | 16   | 7  | 9  |
|           |                        | 101.MD17.4.02.3 | Triệu chứng học Nội khoa 2                           |      |    |    |
|           |                        | 101.MD17.4.03.3 | Bệnh học Nội khoa 1                                  |      |    |    |
|           |                        | 101.MD17.4.04.3 | Bệnh học Nội khoa 2                                  |      |    |    |
|           |                        | 101.MD17.4.05.4 | Bệnh học Nội khoa 3                                  |      |    |    |
| 18        | Ngoại khoa             | 101.MD18.4.01.3 | Ngoại cơ sở 1                                        | 12   | 6  | 6  |
|           |                        | 101.MD18.4.02.2 | Ngoại cơ sở 2                                        |      |    |    |
|           |                        | 101.MD18.4.03.3 | Ngoại bệnh lý 1                                      |      |    |    |
|           |                        | 101.MD18.4.04.4 | Ngoại bệnh lý 2                                      |      |    |    |
| 19        | Sản Phụ khoa           | 101.MD19.4.01.3 | Sản Phụ khoa 1                                       | 7    | 3  | 4  |
|           |                        | 101.MD19.4.02.4 | Sản Phụ khoa 2                                       |      |    |    |

| Module số | Tên Module                                                                          | Mã học phần     | Nội dung Module                     | ĐVTC       | LT         | TH        |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|------------|------------|-----------|
| 20        | Nhi khoa                                                                            | 101.MD20.4.01.3 | Nhi khoa 1                          | 7          | 3          | 4         |
|           |                                                                                     | 101.MD20.4.02.4 | Nhi khoa 2                          |            |            |           |
| 21        | Y học cộng đồng 1                                                                   | 101.MD21.4.01.3 | Tâm lý-Đạo đức y học-GDSK           | 8          | 5          | 3         |
|           |                                                                                     | 101.MD21.4.02.3 | Dinh dưỡng-VSATTP-SKMT và SKNN      |            |            |           |
|           |                                                                                     | 101.MD21.4.03.2 | Dịch tễ học-Dân số                  |            |            |           |
| 22        | Y học cộng đồng 2                                                                   | 101.MD22.4.01.2 | CTYTQG, TCYT, KTYT                  | 4          | 2          | 2         |
|           |                                                                                     |                 | Y pháp                              |            |            |           |
|           |                                                                                     | 101.MD22.4.02.2 | Thực tập cộng đồng                  |            |            |           |
| 23        | Huyết học và Ung bướu                                                               | 101.MD23.4.01.3 | Huyết học bệnh lý                   | 3          | 2          | 1         |
|           |                                                                                     |                 | Ung bướu                            |            |            |           |
| 24        | Cấp cứu đa khoa, GMHS                                                               | 101.MD24.4.01.4 | Cấp cứu đa khoa, GMHS               | 4          | 2          | 2         |
| 25        | Y học cổ truyền                                                                     | 101.MD25.4.01.3 | Y học cổ truyền                     | 3          | 1          | 2         |
| 26        | Truyền nhiễm, Lao                                                                   | 101.MD26.4.01.4 | Truyền nhiễm, Lao                   | 4          | 2          | 2         |
| 27        | Tâm thần, Thần kinh                                                                 | 101.MD27.4.01.4 | Tâm thần                            | 4          | 2          | 2         |
|           |                                                                                     |                 | Thần kinh                           |            |            |           |
| 28        | Phục hồi chức năng, Mắt                                                             | 101.MD28.4.01.3 | Phục hồi chức năng                  | 6          | 2          | 4         |
|           |                                                                                     | 101.MD28.4.02.3 | Mắt                                 |            |            |           |
| 29        | <b>Tự chọn:</b><br>SV chọn 1 trong 2 tổ hợp:<br>1. Da liễu; Lão khoa<br>2. RHM; TMH | 101.MD29.5.01.3 | Da liễu                             | 6          | 2          | 4         |
|           |                                                                                     | 101.MD29.5.02.3 | Lão khoa                            |            |            |           |
|           |                                                                                     | 101.MD29.5.03.3 | Răng Hàm Mặt                        |            |            |           |
|           |                                                                                     | 101.MD29.5.04.3 | Tai Mũi Họng                        |            |            |           |
| 30        | Bệnh lý và điều trị Nội khoa                                                        | 101.MD30.4.01.3 | LT Bệnh lý và điều trị Nội khoa     | 6          | 3          | 3         |
|           |                                                                                     | 101.MD30.4.02.3 | TH Bệnh lý và điều trị Nội khoa     |            |            |           |
| 31        | Bệnh lý và điều trị Ngoại khoa                                                      | 101.MD31.4.01.3 | LT Bệnh lý và điều trị Ngoại khoa   | 6          | 3          | 3         |
|           |                                                                                     | 101.MD31.4.02.3 | TH Bệnh lý và điều trị Ngoại khoa   |            |            |           |
| 32        | Bệnh lý và điều trị Sản phụ khoa                                                    | 101.MD32.4.01.3 | LT Bệnh lý và điều trị Sản phụ khoa | 6          | 3          | 3         |
|           |                                                                                     | 101.MD32.4.02.3 | TH Bệnh lý và điều trị Sản phụ khoa |            |            |           |
| 33        | Bệnh lý và điều trị Nhi khoa                                                        | 101.MD33.4.01.3 | LT Bệnh lý và điều trị Nhi khoa     | 6          | 3          | 3         |
|           |                                                                                     | 101.MD33.4.02.3 | TH Bệnh lý và điều trị Nhi khoa     |            |            |           |
| 34        | Dự án học thuật                                                                     | 101.MD34.4.01.2 | Phương pháp NCKH                    | 5          | 1          | 4         |
|           |                                                                                     | 101.MD34.4.02.3 | Đề án học thuật                     |            |            |           |
| 35        | Tốt nghiệp                                                                          | 101.MD35.4.01.3 | Lý thuyết                           | 5          | 3          | 2         |
|           |                                                                                     | 101.MD35.4.02.2 | Thực hành                           |            |            |           |
|           | <b>Tổng cộng:</b>                                                                   |                 |                                     | <b>207</b> | <b>112</b> | <b>95</b> |

*Ghi chú:* Trong 207 tín chỉ có 07 tín chỉ Ngoại ngữ không chuyên và 02 tín chỉ Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học và khung năng lực số cho người học không tính vào trung bình chung học tập.

## 6. Cách thức đánh giá

**1. Các Module thành phần Lý luận chính trị thuộc Module Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành**

### **1.1. Điểm quá trình của module chỉ có lý thuyết (ĐQT<sub>1</sub>)**

Điểm ĐQT<sub>1</sub> được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐQT}_1 = \frac{\text{ĐCC} + \text{ĐKT} \times 2}{3}$$

Quy định thực hiện:

- Đánh giá ĐKT: Kiểm tra module được thực hiện khi số tiết của module đã được giảng dạy trên 50%, thời gian kiểm tra không quá 30 phút. Hình thức kiểm tra do Trưởng/Phó module và khoa/bộ môn quy định. Điểm kiểm tra được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Không sử dụng kết quả điểm các bài RATs để đánh giá ĐKT.

### **1.2. Đánh giá Module thành phần Lý luận chính trị thuộc Module Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành**

Điểm đánh giá module (ĐMd) bao gồm: Điểm đánh giá quá trình ĐQT<sub>1</sub> và điểm thi kết thúc module (ĐTMD). Điểm đánh giá module được tổng hợp theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức:

$$\text{ĐMd} = \frac{(\text{ĐQT}_1 \times 4) + (\text{ĐTMD} \times 6)}{10}$$

Điều kiện đạt điểm module: ĐTMD > 0,0 điểm (0 điểm).

## **2. Module chỉ có lý thuyết**

### **2.1. Điểm quá trình của module chỉ có lý thuyết (ĐQT<sub>1</sub>)**

Điểm ĐQT<sub>1</sub> được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐQT}_1 = \frac{\text{ĐCC} + \text{ĐKT} \times 2}{3}$$

Quy định thực hiện:

- Đánh giá ĐKT: Kiểm tra module được thực hiện khi số tiết của module đã được giảng dạy trên 50%, thời gian kiểm tra không quá 30 phút. Hình thức kiểm tra do Trưởng/Phó module và khoa/bộ môn quy định. Điểm kiểm tra được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Không sử dụng kết quả điểm các bài RATs để đánh giá ĐKT.

- Đối với các modules có từ 2 khoa/bộ môn trở lên cùng tham gia giảng dạy, các khoa/bộ môn tổ chức chung một bài kiểm tra để đánh giá ĐKT.

### **2.2. Đánh giá Module chỉ có lý thuyết**

Điểm đánh giá module (ĐMd) bao gồm: Điểm đánh giá quá trình ĐQT<sub>1</sub> và điểm thi kết thúc module (ĐTMD). Điểm đánh giá module được tổng hợp theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức:

$$\text{ĐMd} = \frac{(\text{ĐQT}_1 \times 3) + (\text{ĐTMD} \times 7)}{10}$$

Điều kiện đạt điểm module:  $\mathbf{\bar{D}_{TMd} > 0,0 \text{ điểm (0 điểm)}}$ .

**3. Module có cả lý thuyết và thực hành (tại phòng thí nghiệm, phòng máy tính)**

**3.1. Điểm quá trình của module có cả lý thuyết và thực hành (tại phòng thí nghiệm, phòng máy tính) ( $\bar{DQT}_2$ ):**

Điểm  $\bar{DQT}_2$  được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\bar{DQT}_2 = \frac{\bar{D}_{CC} + (\bar{D}_{KT} \times 2) + (\bar{D}_{KTTH} \times 7)}{10}$$

Quy định thực hiện:

- Đánh giá  $\bar{D}_{KT}$ : áp dụng quy định tại mục 2.1.

- Đánh giá điểm kiểm tra thực hành ( $\bar{D}_{KTTH}$ ):

+ Sinh viên được đánh giá theo từng bài thực hành hoặc được đánh giá vào cuối đợt thực hành theo quy định của Trường module/khoa/bộ môn. Điểm bài thực hành được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Đối với các modules có từ 2 khoa/bộ môn trở lên cùng tham gia giảng dạy,  $\bar{D}_{KTTH}$  được tính theo công thức sau và được làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là trung bình chung của điểm kiểm tra thực hành ( $\bar{D}_{KTTH}$ ).

$a_i$  là điểm kiểm tra thực hành của môn học thứ i.

$n_i$  là số giờ thực hành của môn học thứ i.

n là tổng số giờ thực hành của module.

**3.2. Đánh giá Module có cả lý thuyết và thực hành (tại phòng thí nghiệm, phòng máy tính)**

Điểm đánh giá module ( $\bar{D}_{Md}$ ) bao gồm: Điểm đánh giá quá trình  $\bar{DQT}_2$  và điểm thi kết thúc module ( $\bar{D}_{TMd}$ ). Điểm đánh giá module được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức:

$$\bar{D}_{Md} = \frac{(\bar{DQT}_2 \times 3) + (\bar{D}_{TMd} \times 7)}{10}$$

Điều kiện đạt điểm module: ngoài những quy định chung, yêu cầu:

- Điểm kiểm tra thực hành từng môn học trong module **phải  $\geq 4,0$  điểm**.

- Điểm thi kết thúc học phần ( $\bar{D}_{TMd}$ ) **phải  $> 0,0$  điểm (0 điểm)**.

**4. Module Thực hành y khoa (thực hành tại Đơn vị huấn luyện kỹ năng lâm sàng)**

Điểm đánh giá module bao gồm: Điểm đánh giá quá trình (ĐQT<sub>3</sub>) và điểm thi kết thúc module (Đ<sub>TMd</sub>). Điểm đánh giá module được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{ĐMđ} = \frac{(\text{ĐQT}_3 \times 2) + (\text{Đ}_{\text{TMd}} \times 8)}{10}$$

Trong đó:

- ĐQT<sub>3</sub> là điểm trung bình cộng của các bài đánh giá cuối buổi thực hành trong học kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân (dựa trên thái độ học tập, số lần thực hiện kỹ năng, tính chuyên nghiệp,...).

- Đ<sub>TMd</sub> là điểm trung bình cộng của các trạm thi OSCE trong kỳ thi kết thúc module được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điều kiện đạt điểm module: ngoài những quy định chung, **điểm thực hành từng bài trong module phải  $\geq 4,0$  điểm.**

## 5. Module thảo luận lâm sàng (vòng luân khoa)

### 5.1. Điểm quá trình của module thảo luận lâm sàng (ĐQT<sub>4</sub>)

$$\text{ĐQT}_4 = \frac{\text{Đ}_{\text{TĐ}} + (\text{Đ}_{\text{KT}} \times 2)}{3}$$

Quy định đánh giá ĐQT<sub>4</sub>:

- Đánh giá điểm thái độ (Đ<sub>TĐ</sub>): đánh giá thái độ, tính chuyên nghiệp của sinh viên khi tham gia học tập. Điểm đánh giá được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Đánh giá điểm kiểm tra (Đ<sub>KT</sub>): áp dụng quy định tại mục 2.1.

### 5.2. Đánh giá module thảo luận lâm sàng

Điểm đánh giá module (ĐMđ) bao gồm: điểm đánh giá quá trình (ĐQT<sub>4</sub>) và điểm thi kết thúc module (Đ<sub>TMd</sub>). Điểm đánh giá module được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{ĐMđ} = \frac{(\text{ĐQT}_4 \times 3) + (\text{Đ}_{\text{TMd}} \times 7)}{10}$$

Quy định đánh giá:

- Hình thức thi module: thi viết 100 câu trắc nghiệm.

- Ngoài những quy định chung, điểm thi kết thúc học phần ((Đ<sub>TMd</sub>) **phải  $>0,0$  điểm (0 điểm).**

## 6. Module lâm sàng tại bệnh viện

$$\text{ĐMđ} = \frac{\sum_{i=1}^n \text{MiniCEX}_i \times 2 + \text{Đ}_{\text{THLS}} \times (10-2i)}{10}$$

Trong đó: i là số lần lượng giá lâm sàng nhanh MiniCEX.

- Điểm đánh giá module bao gồm: Sinh viên được đánh giá điểm lượng giá lâm sàng nhanh (Đ<sub>MiniCEX</sub>). Điểm thi thực hành lâm sàng (Đ<sub>THLS</sub>) được đánh giá bao gồm: điểm làm bệnh án, điểm thực hành kỹ năng lâm sàng (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng khám,

chẩn đoán...), điểm trả lời câu hỏi hoặc lượng giá thực hành theo ca lâm sàng và các hình thức đánh giá khác do Hiệu trưởng phê duyệt. Điểm thi thực hành lâm sàng được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Quy định đạt điểm module lâm sàng: Ngoài những quy định chung, **điểm thi thực hành lâm sàng ( $\mathcal{D}_{\text{THLS}}$ ) phải  $\geq 4,0$  điểm.**

## 7. Module có cả lý thuyết và lâm sàng tại bệnh viện

### 7.1. Điểm quá trình của module có cả lý thuyết và lâm sàng tại bệnh viện ( $\mathcal{DQT}_5$ ):

$$\mathcal{DQT}_5 = \frac{\mathcal{D}_{\text{KT}} + (\mathcal{D}_{\text{MiniCEX}} \times 2) + (\mathcal{D}_{\text{THLS}} \times 7)}{10}$$

Quy định đánh giá:

- Đánh giá điểm kiểm tra ( $\mathcal{D}_{\text{KT}}$ ): áp dụng quy định tại mục 2.1.  
 - Đánh giá điểm lượng giá lâm sàng nhanh ( $\mathcal{D}_{\text{MiniCEX}}$ ) bao gồm: đánh giá kỹ năng lâm sàng (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng khám, chẩn đoán...), điểm trả lời câu hỏi hoặc lượng giá thực hành theo ca lâm sàng và các hình thức đánh giá khác do Hiệu trưởng phê duyệt. Điểm thi thực hành lâm sàng được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Đối với các modules có từ 2 Khoa/Bộ môn trở lên cùng tham gia giảng dạy, Trưởng module/khoa/bộ môn quy định hình thức kiểm tra để đánh giá  $\mathcal{D}_{\text{KT}}$ , hình thức thi thực hành lâm sàng để đánh giá  $\mathcal{D}_{\text{THLS}}$ , quy trình tổng hợp và nhập điểm lên phần mềm.

### 7.2. Đánh giá module có cả lý thuyết và lâm sàng tại bệnh viện

Điểm đánh giá module ( $\mathcal{DMd}$ ) bao gồm: Điểm đánh giá quá trình ( $\mathcal{DQT}_5$ ) và điểm thi kết thúc module ( $\mathcal{D}_{\text{TMD}}$ ). Điểm module được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\mathcal{DMd} = \frac{\mathcal{DQT}_5 + \mathcal{D}_{\text{TMD}}}{2}$$

Quy định đánh giá học phần: ngoài những quy định chung, yêu cầu:

- Điểm thi thực hành lâm sàng ( $\mathcal{D}_{\text{THLS}}$ ) của module **phải  $\geq 4,0$  điểm.**
- Điểm thi kết thúc học phần ( $\mathcal{D}_{\text{TMD}}$ ) **phải  $> 0,0$  điểm (0 điểm).**

## 8. Module thực tập cộng đồng, thực tế nghề nghiệp (tại thực địa)

Điểm đánh giá module bao gồm:

- Điểm của bài báo cáo thu hoạch cuối đợt thực tập;
- Điểm thực hiện các kỹ năng tại cộng đồng;
- Điểm vấn đáp về nội dung và kỹ năng thực tập cộng đồng (theo quy định cụ thể của Trưởng/Phó module và Khoa/Bộ môn).

Điểm đánh giá module được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

*Chú thích: Sinh viên chưa tham gia đầy đủ các buổi thực hành (có lý do chính đáng) thì phải được Khoa/Bộ môn cho phép mới được học lại các buổi thực hành vắng.*



[illegible]

| Module số | Tên Module                                    | Mã học phần     | Nội dung Module                                                                                             | KIẾN THỨC |        |        |        | KỸ NĂNG |        |        |        |        | NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM |        |
|-----------|-----------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------|--------|--------|---------|--------|--------|--------|--------|--------------------------------|--------|
|           |                                               |                 |                                                                                                             | PLO.01    | PLO.02 | PLO.03 | PLO.04 | PLO.05  | PLO.06 | PLO.07 | PLO.08 | PLO.09 | PLO.10                         | PLO.11 |
|           |                                               |                 |                                                                                                             |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                                               |                 | BGDĐT (08 ĐVTC)                                                                                             |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                                               |                 | NNCB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên (07 ĐVTC) |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
| 3         | Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành | 101.LLCT.1.01.3 | Triết học Mác - Lênin                                                                                       | X         |        |        |        |         | X      |        |        |        |                                | X      |
|           |                                               | 101.LLCT.1.02.2 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                                                                               | X         |        |        |        |         | X      |        |        |        |                                | X      |
|           |                                               | 101.LLCT.1.03.2 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                                                                   | X         |        |        |        |         | X      |        |        |        |                                | X      |
|           |                                               | 101.LLCT.1.04.2 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                                                                              | X         |        |        |        |         | X      |        |        |        |                                | X      |
|           |                                               | 101.LLCT.1.05.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                                                                        | X         |        |        |        |         | X      |        |        |        |                                | X      |
|           |                                               | 101.MD03.1.06.2 | Tiếng Anh chuyên ngành 1                                                                                    | X         | X      | X      | X      |         |        |        |        |        |                                | X      |
|           |                                               | 101.MD03.1.07.2 | Tiếng Anh chuyên ngành 2                                                                                    | X         | X      | X      | X      |         |        |        |        | X      |                                | X      |
| 4         | Khoa học cơ bản                               | DHH-AI.01       | Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng                                                         | X         | X      | X      |        |         | X      |        |        | X      |                                | X      |

| Module số       | Tên Module       | Mã học phần     | Nội dung Module            | KIẾN THỨC       |                 |        |        | KỸ NĂNG |        |        |        |        | NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM |        |   |   |  |  |  |  |  |
|-----------------|------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|-----------------|--------|--------|---------|--------|--------|--------|--------|--------------------------------|--------|---|---|--|--|--|--|--|
|                 |                  |                 |                            | PLO.01          | PLO.02          | PLO.03 | PLO.04 | PLO.05  | PLO.06 | PLO.07 | PLO.08 | PLO.09 | PLO.10                         | PLO.11 |   |   |  |  |  |  |  |
|                 |                  | 101.MD04.2.02.2 | Lý sinh                    |                 | X               | X      |        |         |        |        |        | X      |                                | X      |   |   |  |  |  |  |  |
|                 |                  |                 | Chẩn đoán hình ảnh         |                 |                 |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |   |   |  |  |  |  |  |
|                 |                  | 101.MD04.2.03.3 | Hóa học                    |                 | X               |        |        | X       | X      |        |        | X      |                                | X      |   |   |  |  |  |  |  |
|                 |                  | 101.MD04.2.04.2 | Xác suất-Thống kê y học    |                 | X               | X      |        |         |        |        |        |        |                                | X      |   |   |  |  |  |  |  |
|                 |                  | 5               | Từ phân tử đến tế bào      | 101.MD05.2.01.2 | Sinh học tế bào |        | X      | X       |        |        |        |        |                                |        | X |   |  |  |  |  |  |
| 101.MD05.3.02.3 | Di truyền Y học  |                 |                            |                 |                 |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |   |   |  |  |  |  |  |
| 101.MD05.3.03.2 | Hóa sinh cơ sở   |                 |                            |                 |                 |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |   |   |  |  |  |  |  |
| 6               | Từ tế bào đến mô | 101.MD06.3.01.2 | Đại cương về Giải phẫu học |                 |                 |        |        |         |        |        |        | X      | X                              | X      |   |   |  |  |  |  |  |
|                 |                  |                 | Mô phôi                    |                 |                 |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |   |   |  |  |  |  |  |
|                 |                  | 101.MD06.3.02.3 | Sinh lý bệnh đại cương     |                 |                 |        |        |         |        |        |        |        |                                |        | X | X |  |  |  |  |  |
|                 |                  |                 | Vi sinh Y học đại cương    |                 |                 |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |   |   |  |  |  |  |  |
|                 |                  |                 | KST Y học đại cương        |                 |                 |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |   |   |  |  |  |  |  |
|                 |                  |                 | Dược lý đại cương          |                 |                 |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |   |   |  |  |  |  |  |
|                 |                  |                 | Giải phẫu bệnh đại cương   |                 |                 |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |   |   |  |  |  |  |  |
| 7               | Đề kháng         | 101.MD07.3.01.3 | Vi sinh                    |                 | X               | X      | X      |         |        | X      |        | X      | X                              |        |   |   |  |  |  |  |  |
|                 |                  |                 | Ký sinh trùng              |                 |                 |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |   |   |  |  |  |  |  |



| Module số | Tên Module         | Mã học phần     | Nội dung Module    | KIẾN THỨC |        |        |        | KỸ NĂNG |        |        |        |        | NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM |        |
|-----------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------|--------|--------|--------|---------|--------|--------|--------|--------|--------------------------------|--------|
|           |                    |                 |                    | PLO.01    | PLO.02 | PLO.03 | PLO.04 | PLO.05  | PLO.06 | PLO.07 | PLO.08 | PLO.09 | PLO.10                         | PLO.11 |
|           |                    |                 | Chẩn đoán hình ảnh |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
| 10        | Hệ Cơ xương khớp   | 101.MD10.4.01.3 | Giải phẫu          |           | X      | X      | X      |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Mô phôi            |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Sinh lý            |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | GPB-YP             |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Dược lý            |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Vì sinh            |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Chẩn đoán hình ảnh |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
| 11        | Hệ Tiêu hóa        | 101.MD11.4.01.4 | Giải phẫu          |           | X      | X      | X      |         |        | X      |        | X      |                                |        |
|           |                    |                 | Mô phôi            |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Sinh lý            |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Hóa sinh           |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Sinh lý bệnh       |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Vì sinh            |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | GPB-YP             |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Dược lý            |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Chẩn đoán hình ảnh |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
| 12        | Hệ Thận, Tiết niệu | 101.MD12.4.01.2 | Giải phẫu          |           | X      | X      | X      |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Mô phôi            |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Sinh lý            |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                    |                 | Hóa sinh           |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |



| Module số | Tên Module       | Mã học phần     | Nội dung Module                                      | KIẾN THỨC |        |        |        | KỸ NĂNG |        |        |        |        | NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM |        |
|-----------|------------------|-----------------|------------------------------------------------------|-----------|--------|--------|--------|---------|--------|--------|--------|--------|--------------------------------|--------|
|           |                  |                 |                                                      | PLO.01    | PLO.02 | PLO.03 | PLO.04 | PLO.05  | PLO.06 | PLO.07 | PLO.08 | PLO.09 | PLO.10                         | PLO.11 |
| 15        | Thực hành Y khoa | 101.MD15.4.01.2 | Điều dưỡng cơ bản                                    |           | X      |        | X      | X       |        | X      | X      | X      | X                              | X      |
|           |                  | 101.MD15.4.02.3 | Kỹ năng giao tiếp                                    | X         | X      | X      | X      | X       |        | X      | X      | X      |                                |        |
|           |                  |                 | Tiền lâm sàng Nội                                    |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                  |                 | Tiền lâm sàng Ngoại                                  |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                  |                 | Điều dưỡng cơ bản                                    |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                  |                 | Phẫu thuật thực hành                                 |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                  | 101.MD15.4.03.2 | Thực hành Trạm y tế và Phòng khám bác sĩ gia đình    |           |        |        | X      | X       | X      |        |        | X      | X                              | X      |
|           |                  | 101.MD15.4.04.2 | Phẫu thuật thực hành                                 |           | X      | X      | X      | X       | X      |        | X      | X      |                                | X      |
|           |                  |                 | Chẩn đoán hình ảnh                                   |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |                  | 101.MD15.4.05.2 | Tiền lâm sàng Sản                                    |           | X      | X      | X      |         |        | X      | X      | X      | X                              | X      |
|           |                  |                 | Tiền lâm sàng Nhi                                    |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
| 16        | Y học gia đình   | 101.MD16.4.01.3 | Y học gia đình, Kỹ năng tham vấn, Tính chuyên nghiệp |           |        |        | X      | X       |        |        |        | X      | X                              | X      |

| Module số | Tên Module   | Mã học phần     | Nội dung Module            | KIẾN THỨC |        |        |        | KỸ NĂNG |        |        |        |        | NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM |        |
|-----------|--------------|-----------------|----------------------------|-----------|--------|--------|--------|---------|--------|--------|--------|--------|--------------------------------|--------|
|           |              |                 |                            | PLO.01    | PLO.02 | PLO.03 | PLO.04 | PLO.05  | PLO.06 | PLO.07 | PLO.08 | PLO.09 | PLO.10                         | PLO.11 |
|           |              | 101.MD16.4.02.2 | Giáo dục liên ngành        |           |        |        | X      | X       |        |        |        | X      | X                              | X      |
| 17        | Nội khoa     | 101.MD17.4.01.3 | Triệu chứng học Nội khoa 1 | X         | X      | X      | X      | X       | X      | X      | X      | X      | X                              |        |
|           |              | 101.MD17.4.02.3 | Triệu chứng học Nội khoa 2 |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |              | 101.MD17.4.03.3 | Bệnh học Nội khoa 1        |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |              | 101.MD17.4.04.3 | Bệnh học Nội khoa 2        |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |              | 101.MD17.4.05.4 | Bệnh học Nội khoa 3        |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
| 18        | Ngoại khoa   | 101.MD18.4.01.3 | Ngoại cơ sở 1              |           |        |        |        | X       | X      | X      | X      | X      | X                              |        |
|           |              | 101.MD18.4.02.2 | Ngoại cơ sở 2              |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |              | 101.MD18.4.03.3 | Ngoại bệnh lý 1            |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
|           |              | 101.MD18.4.04.4 | Ngoại bệnh lý 2            |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
| 19        | Sân Phụ khoa | 101.MD19.4.01.3 | Sân Phụ khoa 1             |           |        | X      | X      | X       |        | X      | X      | X      | X                              |        |
|           |              | 101.MD19.4.02.4 | Sân Phụ khoa 2             |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
| 20        | Nhi khoa     | 101.MD20.4.01.3 | Nhi khoa 1                 |           |        | X      | X      | X       |        | X      | X      | X      | X                              | X      |
|           |              | 101.MD20.4.02.4 | Nhi khoa 2                 |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |



| Module số | Tên Module                                                         | Mã học phần     | Nội dung Module                   | KIẾN THỨC |        |        |        | KỸ NĂNG |        |        |        |        | NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM |        |
|-----------|--------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------|-----------|--------|--------|--------|---------|--------|--------|--------|--------|--------------------------------|--------|
|           |                                                                    |                 |                                   | PLO.01    | PLO.02 | PLO.03 | PLO.04 | PLO.05  | PLO.06 | PLO.07 | PLO.08 | PLO.09 | PLO.10                         | PLO.11 |
|           | Thần kinh                                                          |                 | Thần kinh                         |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
| 28        | Phục hồi chức năng, Mắt                                            | 101.MD28.4.01.3 | Phục hồi chức năng                |           | X      | X      | X      |         |        | X      | X      | X      | X                              | X      |
|           |                                                                    | 101.MD28.4.02.3 | Mắt                               |           |        | X      | X      | X       |        | X      |        |        |                                |        |
| 29        | Tự chọn: SV chọn 1 trong 2 tổ hợp: 1.Da liễu; Lão khoa 2. RHM; TMH | 101.MD29.5.01.3 | Da liễu                           |           | X      | X      | X      |         |        | X      | X      |        |                                |        |
|           |                                                                    | 101.MD29.5.02.3 | Lão khoa                          |           |        | X      | X      |         |        | X      | X      |        | X                              |        |
|           |                                                                    | 101.MD29.5.03.3 | Răng Hàm Mặt                      |           | X      | X      | X      |         |        | X      |        | X      |                                |        |
|           |                                                                    | 101.MD29.5.04.3 | Tai Mũi Họng                      |           |        | X      |        |         |        | X      | X      | X      |                                |        |
| 30        | Bệnh lý và điều trị Nội khoa                                       | 101.MD30.4.01.3 | LT Bệnh lý và điều trị Nội khoa   |           |        | X      | X      | X       | X      | X      | X      | X      | X                              | X      |
|           |                                                                    | 101.MD30.4.02.3 | TH Bệnh lý và điều trị Nội khoa   |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |
| 31        | Bệnh lý và điều trị Ngoại khoa                                     | 101.MD31.4.01.3 | LT Bệnh lý và điều trị Ngoại khoa |           |        | X      | X      | X       |        | X      | X      | X      |                                |        |
|           |                                                                    | 101.MD31.4.02.3 | TH Bệnh lý và điều trị Ngoại khoa |           |        |        |        |         |        |        |        |        |                                |        |

[illegible]

## 8. Kế hoạch đào tạo

[illegible]

| Stt | Mã học phần     | Tên học phần                                                          | Số ĐVTC | HK1 | HK2 | HK3 | HK4 | HK5 | HK6 | HK7 | HK8 | HK9 | HK10 | HK11 | HK12 |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------|---------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|------|------|
| 14  | 101.MD05.3.03.2 | Từ phân tử đến tế bào: Hóa sinh cơ sở                                 | 2       |     | X   |     |     |     |     |     |     |     |      |      |      |
| 15  | 101.MD06.3.01.2 | Từ tế bào đến mô 1 (MP, GP đại cương)                                 | 2       |     | X   |     |     |     |     |     |     |     |      |      |      |
| 16  | 101.MD06.3.02.3 | Từ tế bào đến mô 2 (SLB,VS,KST,DL,GPB)                                | 3       |     | X   |     |     |     |     |     |     |     |      |      |      |
| 17  | 101.MD07.3.01.3 | Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 1 (KST, VS, GPB)                        | 3       |     |     | X   |     |     |     |     |     |     |      |      |      |
| 18  | 101.MD07.3.02.3 | Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 2 (MD, DL, HH)                          | 3       |     |     | X   |     |     |     |     |     |     |      |      |      |
| 19  | 101.MD08.3.01.3 | Hệ Hô hấp                                                             | 3       |     |     |     | X   |     |     |     |     |     |      |      |      |
| 20  | 101.MD09.3.01.4 | Hệ Tim mạch                                                           | 4       |     |     | X   |     |     |     |     |     |     |      |      |      |
| 21  | 101.MD10.3.01.3 | Hệ Cơ xương khớp                                                      | 3       |     |     | X   |     |     |     |     |     |     |      |      |      |
| 22  | 101.MD11.3.01.4 | Hệ Tiêu hóa                                                           | 4       |     |     |     |     | X   |     |     |     |     |      |      |      |
| 23  | 101.MD12.3.01.2 | Hệ Thận, Tiết niệu                                                    | 2       |     |     |     |     | X   |     |     |     |     |      |      |      |
| 24  | 101.MD13.3.01.3 | Hệ Thần kinh, Nội tiết                                                | 3       |     |     |     |     |     | X   |     |     |     |      |      |      |
| 25  | 101.MD14.3.01.2 | Hệ Sinh sản                                                           | 2       |     |     |     |     |     | X   |     |     |     |      |      |      |
| 26  | 101.MD15.3.01.2 | Thực hành Y khoa 1: Điều dưỡng cơ bản                                 | 2       |     |     |     | X   |     |     |     |     |     |      |      |      |
| 27  | 101.MD15.4.02.3 | Thực hành Y khoa 2: Tiền lâm sàng (Nội, Ngoại, ĐD, PTTH, KNGT)        | 3       |     |     | X   |     |     |     |     |     |     |      |      |      |
| 28  | 101.MD15.4.03.2 | Thực hành Y khoa 3: Thực hành Trạm y tế và Phòng khám Bác sĩ Gia đình | 2       |     |     |     | X   |     |     |     |     |     |      |      |      |
| 29  | 101.MD15.3.04.2 | Thực hành Y khoa 4: Phẫu thuật thực hành, Chẩn đoán hình ảnh          | 2       |     |     |     |     | X   |     |     |     |     |      |      |      |

| Stt | Mã học phần     | Tên học phần                                         | Số ĐVTC | HK1 | HK2 | HK3 | HK4 | HK5 | HK6 | HK7 | HK8 | HK9 | HK10 | HK11 | HK12 |
|-----|-----------------|------------------------------------------------------|---------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|------|------|
| 30  | 101.MD15.4.05.2 | Thực hành Y khoa 5: Tiền lâm sàng (Sân, Nhi)         | 2       |     |     |     |     |     | X   |     |     |     |      |      |      |
| 31  | 101.MD16.4.01.3 | Y học gia đình, Kỹ năng tham vấn, Tính chuyên nghiệp | 3       |     |     |     |     |     | X   |     |     |     |      |      |      |
| 32  | 101.MD16.4.02.2 | Giáo dục liên ngành                                  | 2       |     |     |     |     |     |     |     |     | X   |      |      |      |
| 33  | 101.MD17.4.01.3 | Triệu chứng học Nội khoa 1                           | 3       |     |     |     |     | X   |     |     |     |     |      |      |      |
| 34  | 101.MD17.4.02.3 | Triệu chứng học Nội khoa 2                           | 3       |     |     |     |     | X   |     |     |     |     |      |      |      |
| 35  | 101.MD17.4.03.3 | Bệnh học Nội khoa 1                                  | 3       |     |     |     |     |     | X   |     |     |     |      |      |      |
| 36  | 101.MD17.4.04.3 | Bệnh học Nội khoa 2                                  | 3       |     |     |     |     |     |     | X   |     |     |      |      |      |
| 37  | 101.MD17.4.05.4 | Bệnh học Nội khoa 3                                  | 4       |     |     |     |     |     |     | X   |     |     |      |      |      |
| 38  | 101.MD18.4.01.3 | Ngoại cơ sở 1                                        | 3       |     |     |     |     |     | X   |     |     |     |      |      |      |
| 39  | 101.MD18.4.02.2 | Ngoại cơ sở 2                                        | 2       |     |     |     |     |     | X   |     |     |     |      |      |      |
| 40  | 101.MD18.4.03.3 | Ngoại bệnh lý 1                                      | 3       |     |     |     |     |     |     | X   |     |     |      |      |      |
| 41  | 101.MD18.4.04.4 | Ngoại bệnh lý 2                                      | 4       |     |     |     |     |     |     | X   |     |     |      |      |      |
| 42  | 101.MD19.4.01.3 | Sản Phụ khoa 1                                       | 3       |     |     |     |     |     |     |     | X   |     |      |      |      |
| 43  | 101.MD19.4.02.4 | Sản Phụ khoa 2                                       | 4       |     |     |     |     |     |     |     | X   |     |      |      |      |
| 44  | 101.MD20.4.01.3 | Nhi khoa 1                                           | 3       |     |     |     |     |     |     |     | X   |     |      |      |      |
| 45  | 101.MD20.4.02.4 | Nhi khoa 2                                           | 4       |     |     |     |     |     |     |     | X   |     |      |      |      |
| 46  | 101.MD21.4.01.3 | Y học cộng đồng 1: Tâm lý - ĐĐYH - GDSK              | 3       |     |     |     | X   |     |     |     |     |     |      |      |      |
| 47  | 101.MD21.4.02.3 | Y học cộng đồng 1: Dinh dưỡng-VSATTP-SKMT và SKNN    | 3       |     |     |     | X   |     |     |     |     |     |      |      |      |
| 48  | 101.MD21.4.03.2 | Y học cộng đồng 1: Dịch tễ học-Dân số                | 2       |     |     |     |     | X   |     |     |     |     |      |      |      |

[illegible]

[illegible]

## **9. Mô tả vắn tắt các học phần**

### **1. Module 1:**

Giới thiệu cho sinh viên biết rõ chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm và quy định hành nghề Bác sĩ đa khoa, chuẩn năng lực tối thiểu của Bộ Y tế, chuẩn năng lực đầu ra và lộ trình tích lũy, cấu trúc tổng quát chương trình đào tạo, phương pháp dạy/học và định hướng phát triển kỹ năng học tích cực.

### **2. Module 2: Phát triển thể chất và năng lực ngoại ngữ không chuyên**

Giáo dục thể chất: Thực hiện theo quy định số 380/ĐHH về quy định chương trình GDTC.

Giáo dục quốc phòng: Thực hiện theo thông tư 32/2012/TT-BGDĐT.

Ngoại ngữ không chuyên: Căn cứ Quyết định số 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ không chuyên cho sinh viên hệ chính quy tại Đại học Huế.

### **3. Module 3: Phát triển nhân văn và ngoại ngữ chuyên ngành**

#### **3.1. Triết học Mác – Lênin**

Nội dung học phần Triết học Mác-Lênin (03 tín chỉ) được cấu trúc thành 3 chương: Chương 1, Trình bày khái lược về triết học và triết học Mác-Lênin, vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2, Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, Trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Giúp cho người học; nhận thức được giá trị, bản chất khoa học và cách mạng của triết học Mác-Lênin; trên cơ sở đó hiểu được nền tảng, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

#### **3.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (PTSX TBCN) và những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Học phần bao gồm những kiến thức: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

#### **3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Nội dung môn học gồm 7 chương. Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

#### **3.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm: Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay); Kết luận: Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn của Đảng.

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

#### **3.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp kiến thức hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh \_ nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam của cách mạng Việt Nam. Với 6 chương, học phần trình bày các nội dung cốt lõi trong hệ thống Tư tưởng Hồ Chí Minh như: độc lập dân tộc,

chủ nghĩa xã hội, vai trò của Đảng, Nhà nước, đại đoàn kết, văn hóa, con người, và đạo đức cách mạng. Sinh viên sẽ phát triển tư duy lý luận, kỹ năng phân tích và khả năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn, đồng thời rèn luyện ý thức trách nhiệm và tự hào dân tộc.

### **3.6. Tiếng Anh chuyên ngành 1**

- Học phần Tiếng anh chuyên ngành 1 (ngành Y khoa) gồm 2 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 30 tiết bao gồm phần giảng bài của giáo viên, các hoạt động thảo luận theo nhóm, theo cặp của sinh viên, các hoạt động làm bài tập của sinh viên và sửa bài tập của giáo viên trên lớp.

- Nội dung chính của học phần gồm các chủ điểm cơ bản liên quan đến sức khỏe con người, các bộ phận trong cơ thể người nhân viên và cơ sở y tế, điều tra trong y tế... Các nội dung chính bao gồm: Health and illness, Parts of the body, Functions of the body, Medical practitioners, Epidemiology, Data presentation, Hospitals, Primary care, Medical education, Infections, Basic investigations, Laboratory tests, X- ray and CT

### **3.7. Tiếng Anh chuyên ngành 2**

Học phần Tiếng anh chuyên ngành 2 (ngành Y khoa) gồm 2 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 30 tiết bao gồm phần giảng bài của giáo viên, các hoạt động thảo luận theo nhóm, theo cặp của sinh viên, các hoạt động làm bài tập của sinh viên và sửa bài tập của giáo viên trên lớp.

Nội dung chính của học phần gồm các chủ điểm cơ bản liên quan đến sức khỏe con người, các bộ phận trong cơ thể người nhân viên và cơ sở y tế, điều tra trong y tế... Các nội dung chính bao gồm: Blood, Symptoms and Signs, The Respiratory System, Taking a History 1, Taking a History 2, The Heart and Circulation 1, Physical Examination, The Heart and Circulation 2, Explaining Diagnosis and Management, Bones, The Skin 1, The Skin 2, Discussing Treatment, Giving Bad News, Case Presentations.

## **4. Module 4: Khoa học cơ bản**

### **4.1. Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng**

Học phần này thuộc Module 4: Khoa học Cơ bản, gồm 2 phần:

- Phần 1: Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng.
- Phần 2: Giới thiệu về y tế số, ứng dụng phần mềm trong quản lý và phân tích số liệu cơ bản trong nghiên cứu y sinh học

Phần “Nhập môn Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng” cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về nền tảng công nghệ số và AI. Cụ thể, sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, và ứng dụng của công nghệ số và AI vào đời sống, học tập, nghiên cứu, phát triển nghề nghiệp và những ứng dụng của AI trong y tế, chăm sóc sức khỏe.

Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hành với một số công cụ số và AI, khả năng phân tích, xử lý dữ liệu, sáng tạo nội dung, đồng thời rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác trong môi trường số hóa, bồi dưỡng ý thức về an toàn thông tin, đạo đức số, và tuân thủ pháp luật, giúp sinh viên hình thành ý thức sử dụng công nghệ một cách chủ động, văn minh, góp phần xây dựng cộng đồng số an toàn và bền vững.

Phần “Giới thiệu về y tế số, ứng dụng phần mềm trong quản lý và phân tích số liệu cơ bản trong nghiên cứu y sinh học” sẽ trình bày về y tế số; nguồn số liệu y tế trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, ý nghĩa của việc quản lý thông tin y tế từ thực hành đến nghiên cứu và thực hành phân tích số liệu cơ bản trong lĩnh vực khoa học sức khỏe bằng phần mềm thống kê chuyên dụng.

### **4.2. Lý sinh, Chẩn đoán hình ảnh**

Học phần Lý sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về các hiện tượng vật lý trong cơ thể sống và ứng dụng trong y học. Nội dung bao gồm: sự biến đổi và bảo toàn năng lượng; cơ chế vận chuyển vật chất và động lực chất lưu; hiện tượng điện sinh học của tế bào và mô; hiện tượng âm trên cơ thể sống; ánh sáng và tác dụng sinh học lên cơ thể sống; Vật lý nguyên tử, hạt nhân và ứng dụng trong Y học. Qua đó, sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, giải thích hiện tượng sinh học và vận dụng kiến thức vào chẩn đoán, điều trị. Những kiến thức

này hình thành cơ sở cho các môn Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Giải phẫu bệnh. Các nguyên lý về điện sinh học, sóng âm, quang học, tia X, cộng hưởng từ và bức xạ ion hóa hỗ trợ trực tiếp cho Chẩn đoán hình ảnh, Huyết học – Ung bướu, Phục hồi chức năng và các học phần lâm sàng như Nội khoa, Thần kinh, Tim mạch. Nhờ đó, học phần giúp gắn kết khoa học cơ bản với y học ứng dụng, nâng cao hiệu quả học tập và nghiên cứu.

**Phần chẩn đoán hình ảnh:** Học phần giới thiệu nền tảng về các kỹ thuật tạo ảnh trong y khoa, bắt đầu từ lịch sử phát triển ngành chẩn đoán hình ảnh và các nguyên lý cơ bản. Nội dung tập trung vào vai trò, chỉ định và chống chỉ định của các phương tiện chính: X-quang, siêu âm, cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ. Học phần cũng đề cập thuộc đối quang trong X-quang, CT, MRI và các lưu ý khi sử dụng. Sau phần này, học viên có thể hiểu nguyên lý các kỹ thuật hình ảnh, phân biệt chỉ định – chống chỉ định từng phương tiện và lựa chọn được kỹ thuật chẩn đoán phù hợp.

#### **4.3. Hóa học**

Học phần Hóa học là môn học cơ sở thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản trong chương trình đào tạo bác sĩ y khoa. Môn học cung cấp nền tảng kiến thức về hóa học đại cương, hóa học vô cơ, hóa học hữu cơ có liên quan đến cấu trúc, chức năng và hoạt động của cơ thể con người. Đây là cơ sở để sinh viên tiếp thu các học phần tiếp theo như Sinh học, Sinh lý, Dược lý, Hóa sinh, Y sinh học phân tử và các học phần lâm sàng. Học phần Hóa học trong đào tạo Y khoa trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về các nguyên lý, quy luật, phản ứng hóa học, vai trò, độc tính của một số nguyên tố, hợp chất liên quan đến y học. Từ đó, hình thành kỹ năng thực hành thí nghiệm cơ bản và khả năng vận dụng kiến thức hóa học để giải thích, phân tích các hiện tượng sinh học, bệnh lý và dược lý. Thông qua đó, bồi dưỡng thái độ học tập nghiêm túc, trung thực, cẩn trọng; phát triển năng lực tự học, tư duy logic, tinh thần trách nhiệm trong học tập và nghiên cứu khoa học, tinh thần tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp.

#### **4.4. Xác suất – Thống kê y học**

Module trang bị cho sinh viên y khoa những kiến thức nền tảng về xác suất và thống kê ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị cũng như nghiên cứu y học. Nội dung bao gồm một số ứng dụng của xác suất trong chẩn đoán, các khái niệm cơ bản về biến ngẫu nhiên, phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, phân tích hồi quy và tương quan ứng dụng trong y học. Bên cạnh phần lý thuyết, học phần còn tập trung vào kỹ năng thực hiện suy luận thống kê với sự hỗ trợ của các phần mềm thống kê (R, SPSS) cùng một số công cụ AI tạo sinh phổ biến, giúp sinh viên xử lý dữ liệu y học, phân tích kết quả thu được và rút ra kết luận khoa học. Trong chương trình đào tạo, học phần có vị trí quan trọng, hỗ trợ trực tiếp cho các môn như Dịch tễ học, Phương pháp nghiên cứu khoa học, là cơ sở để sinh viên phát triển tư duy dựa trên bằng chứng và ứng dụng các phương pháp phân tích xác suất, thống kê trong thực hành y học cũng như nghiên cứu y học.

### **5. Module 5: Từ phân tử đến tế bào**

Module 5 trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về cấu trúc, chức năng và các quá trình hoạt động sống của tế bào; cấu tạo, chức năng và chuyển hóa các chất trong cơ thể, cơ chế hoạt động của enzyme, quá trình chuyển hóa năng lượng, các con đường chuyển hóa chủ yếu và ứng dụng của hóa sinh trên lâm sàng. Đồng thời, Module 5 sẽ cung cấp những vấn đề cơ bản nhất của di truyền được ứng dụng trong y học, bao gồm các kiến thức về gene, genome, bộ nhiễm sắc thể người, phương thức di truyền, các kỹ thuật di truyền cũng như cơ chế bệnh sinh của một số bệnh lý di truyền. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ ứng dụng, phân tích được các đặc điểm bất thường về cấu trúc, chức năng ở các mức độ gene, genome, nhiễm sắc thể, tế bào và quá trình chuyển hóa chất để chẩn đoán và theo dõi bệnh, phát hiện yếu tố nguy cơ và tư vấn phù hợp.

Về vị trí, đây là học phần cơ sở ngành bắt buộc, đóng vai trò then chốt trong khối kiến thức khoa học sự sống. Kiến thức từ học phần này là tiền đề và có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ trực tiếp cho việc tiếp thu các học phần chuyên sâu hơn.

### **6. Module 6: Hệ hô hấp**

Module cung cấp kiến thức nền tảng về cấu trúc, chức năng và sự phát triển của cơ thể người từ mức độ tế bào, mô, cơ quan đến hệ thống, trong điều kiện bình thường và bệnh lý. Nội dung bao gồm các môn Giải phẫu, Mô – Phôi, Giải phẫu bệnh, Vi sinh, Ký sinh trùng và Dược lý, giúp người học hiểu mối liên hệ chặt chẽ giữa hình thái và chức năng, giữa vi mô và đại thể, giữa cơ chế sinh học và biểu hiện lâm sàng. Module trang bị khả năng nhận diện, phân tích đặc điểm mô học bình thường và bệnh học, nhận định các tác nhân vi sinh, ký sinh trùng thường gặp, hiểu cơ chế tác dụng của thuốc và ứng dụng dược lý cơ bản. Ngoài ra, module còn rèn luyện kỹ năng thực hành, tư duy tích hợp, tinh thần kỷ luật và thái độ hợp tác trong môi trường học tập và nghiên cứu y học.

### **7. Module 7: Đề kháng và đáp ứng miễn dịch**

Module này trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về hệ thống miễn dịch, cơ chế đáp ứng miễn dịch của cơ thể trong loại bỏ vi sinh vật, vi nấm, ký sinh trùng, cùng các cơ chế đề kháng và cách thức lẫn tránh sự đáp ứng miễn dịch của chúng. Nội dung còn bao gồm các kiến thức về rối loạn miễn dịch, quá trình tạo máu, biệt hóa và phát triển các dòng tế bào máu, cơ chế cầm máu – đông máu, cũng như nguyên tắc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý trong điều trị một số bệnh nhiễm trùng, các loại thuốc tác dụng lên hệ thống miễn dịch và các thuốc điều trị rối loạn đông máu. Đây là module thuộc khối cơ sở ngành, giữ vai trò nền tảng cho các module chuyên sâu tiếp theo trong chương trình đào tạo.

### **8. Module 8: Hệ hô hấp**

Module hệ hô hấp cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về đặc điểm cấu tạo, chức năng của các cơ quan của hệ hô hấp cũng như các đặc điểm bệnh học, chẩn đoán, các kiến thức về dược lý áp dụng với các bệnh lý thường gặp của hệ hô hấp.

### **9. Module 9: Hệ tim mạch**

Module này trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng cơ bản hệ tim mạch từ giải phẫu, mô phôi, sinh lý, hóa sinh đến sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh, dược lý. Trong đó sinh viên yêu cầu nhớ, hiểu và vận dụng kiến thức khoa học cơ bản đã được trang bị để giải thích dấu hiệu lâm sàng và cận lâm sàng cũng như tìm được mối liên quan và kiến thức lồng ghép trong khái niệm thêm chốt giữa các nội dung trong module này. Bên cạnh đó, các kỹ năng thực hành cũng cần đạt yêu cầu theo yêu cầu module tim mạch cơ sở.

### **10. Module 10: Hệ Cơ xương khớp**

Module hệ Cơ-Xương-Khớp là hệ cơ quan giúp cơ thể có hình dạng nhất định, nâng đỡ, bảo vệ và vận động. Hệ Cơ-Xương-Khớp gồm khớp nối hai xương khác nhau hay xương gắn với cơ thông qua dây chằng và gân sẽ giúp cho cơ thể vận động được.

### **11. Module 11: Hệ tiêu hóa**

Module hệ tiêu hóa cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về đặc điểm cấu tạo, chức năng của các cơ quan của hệ tiêu hóa cũng như các đặc điểm bệnh học, chẩn đoán, các kiến thức về dược lý áp dụng với các bệnh lý thường gặp của hệ tiêu hóa.

### **12. Module 12: Hệ thận, tiết niệu**

Hệ Thận-Tiết niệu là hệ cơ quan có chức năng điều hoà nội môi thông qua việc tạo nước tiểu và nội tiết cho cơ thể. Đây là hệ cơ quan có vai trò quan trọng trong việc lọc các thành phần trong máu, cân bằng điện giải, axit-bazơ, nước và đào thải các chất độc hại ra khỏi cơ thể. Module Hệ Thận - Tiết niệu được giảng dạy ở học kỳ I, năm thứ 3, Y khoa, nằm trong các Module Hệ cơ quan trong cơ thể. Từ các kiến thức được trang bị, sinh viên sẽ có cơ sở để hiểu và giải thích được các rối loạn cơ bản liên quan đến hệ Thận-Tiết niệu.

### **13. Module 13: Hệ thần kinh, Nội tiết**

Module hệ thần kinh và nội tiết được thiết kế giảng dạy tích hợp gồm 2 hệ thần kinh và nội tiết. Hệ thần kinh là một hệ cơ quan biệt hóa cao nhất bao gồm hệ thần kinh trung ương và thần kinh ngoại biên nhằm đảm trách các chức năng chính của quá tiếp nhận, dẫn truyền, xử trí và đáp ứng các kích thích lên thần kinh. Bên cạnh đó, hệ nội tiết với cấu trúc trục hạ đồi-tuyến yên-thông qua tuyến nội tiết tiền và hậu tuyến yên tác động đến và phản hồi của các tuyến đích nhằm điều tiết nội tiết trong cơ thể.

### **14. Module 14: Hệ sinh sản**

Module 14 - Hệ sinh sản sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về cấu trúc, chức năng và sự phát triển của hệ sinh sản qua các giai đoạn phát triển; mối tương quan giữa cấu trúc, chức năng của hệ sinh sản với các cơ quan khác trong cơ thể. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được những vấn đề cơ bản của lĩnh vực sản phụ khoa trong điều kiện bình thường hay bệnh lý, cũng như hiểu được nguyên lý cơ bản của các thuốc được sử dụng trong sản phụ khoa.

## **15. Module 15: Thực hành Y khoa**

### **15.1. Thực hành Y khoa 1: Điều dưỡng cơ bản**

Học phần Điều dưỡng cơ bản trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành điều dưỡng. Nội dung học phần tập trung vào phát triển và củng cố các kỹ năng lâm sàng cốt lõi, bao gồm: đánh giá toàn diện người bệnh, kỹ năng giao tiếp – tư vấn, kỹ năng ra quyết định lâm sàng dựa trên bằng chứng, quản lý chăm sóc trong thực hành điều dưỡng. Học phần giữ vai trò nền tảng trong chương trình đào tạo ngành y khoa, giúp sinh viên hình thành năng lực thực hành cơ bản, đảm bảo an toàn trong môi trường y tế, đồng thời có khả năng phối hợp hiệu quả với điều dưỡng và các nhân viên y tế khác trong chăm sóc.

### **15.2. Thực hành Y khoa 2: Kỹ năng giao tiếp, Tiền lâm sàng Nội, Tiền lâm sàng Ngoại, Điều dưỡng cơ bản, Phẫu thuật thực hành**

Thực hành Y khoa 2 là học phần thuộc nhóm kỹ năng ngành, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản và cần thiết trong giai đoạn tiền lâm sàng của chương trình đào tạo bác sĩ y đa khoa. Module nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về cách khám nội khoa, ngoại khoa cơ bản. Module tập trung vào việc rèn luyện các quy trình thăm khám thường gặp trong lâm sàng, phương pháp khám, và cách đọc các cận lâm sàng, bao gồm khám lâm sàng cơ bản ở các vùng cơ thể, như: bụng, chi trên, chi dưới, tầng sinh môn, cơ quan sinh dục ngoài, mạch máu và cột sống, khám tim, khám phổi, khám tuyến giáp. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng khám phát hiện các triệu chứng nội, ngoại khoa bất thường.

### **15.3. Thực hành Y khoa 3: Thực hành Trạm y tế và Phòng khám bác sĩ gia đình**

Học phần Thực hành Y khoa 3 tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp xúc lâm sàng sớm, thực hành trong môi trường chăm sóc ban đầu bao gồm thực hành tại Trạm Y tế - Phòng khám Bác sĩ gia đình giúp sinh viên chuẩn bị tốt các năng lực thích hợp trong giai đoạn thực hành lâm sàng tiếp theo. Sinh viên được trang bị kiến thức và những kỹ năng cần thiết bao gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản và nâng cao, kỹ năng thu thập thông tin, hỏi bệnh sử, thăm khám lâm sàng trong bối cảnh chăm sóc ngoại trú, áp dụng tính chuyên nghiệp liên quan đến phát triển nghề nghiệp và cá nhân trong quá trình học tập và thực hành lâm sàng.

### **15.4. Thực hành Y khoa 4: Phẫu thuật thực hành, Chẩn đoán hình ảnh**

Học phần Thực hành Y khoa 4 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh, sinh viên có khả năng hiểu và ứng dụng được các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán, bao gồm nguyên lý tạo ảnh, ưu nhược điểm các kỹ thuật, chỉ định được các kỹ thuật hình ảnh theo từng tình huống lâm sàng cụ thể và phân tích hình ảnh bình thường, bất thường cơ bản; nắm được hình ảnh điển hình của các bệnh lý thường gặp. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nguyên tắc vô khuẩn, các dụng cụ ngoại khoa cơ bản và các kỹ thuật khâu vết thương buộc chỉ bằng tay. Học phần này nhằm cung cấp kiến thức chẩn đoán hình ảnh ứng dụng vào thực tiễn, bản về lịch sử, nguyên lý các kỹ thuật phẫu thuật ngoại khoa thường gặp trong các bệnh lý thuộc các chuyên ngành tiêu hóa, tiết niệu, chấn thương, tim mạch lồng ngực,... tạo nền móng để sinh viên thực tập các vòng luân khoa lâm sàng nội, ngoại, sản nhi ở các năm tiếp theo.

### **15.5. Thực hành Y khoa 5: Tiền lâm sàng Sản, Tiền lâm sàng Nhi**

Học phần Thực hành Y khoa 5 cung cấp cho sinh viên Y khoa năm 3 những kỹ năng thực hành cơ bản trong sản phụ khoa thông qua mô hình và trường hợp lâm sàng cụ thể, giúp sinh viên hình thành nền tảng thực hành lâm sàng ban đầu, biết giao tiếp – tư vấn, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật và nhận diện các dấu hiệu bất thường trong chăm sóc sức khỏe phụ

nữ và trẻ sơ sinh. Tiền lâm sàng Nhi gồm 40 tiết giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản khi tiếp cận bệnh nhi và trẻ sơ sinh; từ việc hỏi tiền sử, bệnh sử đến thăm khám hệ thống các cơ quan; đánh giá tăng trưởng và dậy thì; đánh giá dinh dưỡng; đồng thời rèn luyện sinh viên kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp, hành vi ứng xử đúng mực đối với bệnh nhân, người nhà, giảng viên, bạn bè.

## **16. Module 16: Y học gia đình**

### **16.1. Y học gia đình, Kỹ năng tham vấn, Tính chuyên nghiệp**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về chuyên ngành Y học gia đình, bao gồm các nguyên lý cốt lõi và chức năng, nhiệm vụ của bác sĩ gia đình trong hệ thống y tế. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng tư vấn và tham vấn sức khỏe với người bệnh và hộ gia đình; kỹ năng giải quyết một số vấn đề sức khỏe thường gặp trong chăm sóc ngoại trú tại cộng đồng. Trên cơ sở vận dụng sáu nguyên lý Y học gia đình, sinh viên thực hành chăm sóc toàn diện cho người bệnh ở cả ba khía cạnh thể chất – tinh thần – xã hội. Đồng thời, học phần hướng dẫn sinh viên thực hiện tầm soát, phát hiện sớm bệnh, lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe theo nguyên lý gia đình, cũng như quản lý, theo dõi sức khỏe người dân trong cộng đồng.

### **16.2. Giáo dục liên ngành**

Học phần Giáo dục liên ngành nhằm xây dựng môi trường học tập hợp tác cho sinh viên các ngành khác nhau cùng phối hợp làm việc nhóm. Học phần được giảng dạy cho sinh viên năm kế cuối các ngành đào tạo đại học giúp nâng cao kiến thức, kỹ năng và thái độ về học tập liên ngành và hợp tác liên ngành trong chăm sóc người bệnh. Sinh viên cần vận dụng những kiến thức, kỹ năng và giá trị của ngành học của bản thân và hiểu rõ vai trò trách nhiệm của các ngành khác để hợp tác hiệu quả trong quá trình thực hành chăm sóc người bệnh, hướng đến tối ưu hóa hiệu quả chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm.

## **17. Module 17: Nội khoa**

Module bao gồm một số triệu chứng, hội chứng nội khoa và cận lâm sàng thường gặp thuộc các chuyên ngành Hô hấp, Tiêu hóa, Tim mạch, Thận – Tiết niệu, Nội tiết và Cơ xương khớp. Mỗi bài trong module có cấu trúc bao gồm các phần giới thiệu, dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, hội chứng, chẩn đoán, chẩn đoán phân biệt, cận lâm sàng. Giúp sinh viên Y đa khoa làm quen với các triệu chứng, hội chứng nội khoa và các xét nghiệm cận lâm sàng thường gặp để làm nền tảng cho việc chẩn đoán và điều trị các bệnh lý nội khoa sau này. Sinh viên có khả năng khai thác bệnh sử, khám thực thể; phát hiện các biểu hiện và triệu chứng bất thường; tiếp cận các vấn đề sức khỏe thường gặp nội khoa để biện luận hội chứng, chẩn đoán và đề nghị cận lâm sàng tạo nền tảng cho phát triển kỹ năng chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa bệnh ở các vòng luân khoa của năm tiếp theo.

Đặc biệt module Bệnh học Nội khoa 3 tập trung vào thực hành khám bệnh và làm bệnh án một số bệnh nội khoa thường gặp tại bệnh viện. Sinh viên luyện tập thành thạo kỹ năng khám, thực hiện chính xác các bước cấp cứu với các bệnh cấp cứu nội khoa, phân loại bệnh đúng và xử trí phù hợp, vừa mức với một số bệnh nội khoa thông thường. Người học cũng dễ dàng lập được bệnh án bệnh nội khoa với việc ghi nhận triệu chứng đầy đủ và chính xác, chỉ định cấp cứu hoặc chăm sóc nội khoa phù hợp.

## **18. Module 18: Ngoại khoa**

Module Ngoại cơ sở cung cấp kiến thức cơ bản về triệu chứng học ngoại khoa. bao gồm: cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và hướng chẩn đoán đối với một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp. Các bệnh lý thuộc các chuyên ngành: ngoại chung, ngoại tiêu hóa, ngoại tiết niệu, ngoại chấn thương – bỏng, ngoại lồng ngực – mạch máu và ngoại thần kinh. Module này giúp sinh viên hình thành tư duy lâm sàng ban đầu trong tiếp cận bệnh nhân ngoại khoa, rèn luyện kỹ năng khai thác triệu chứng, khám lâm sàng, chỉ định cận lâm sàng, định hướng chẩn đoán và tập làm bệnh án ngoại khoa. Đây là module bắt buộc, làm nền tảng cho module Ngoại bệnh lý.

Module Ngoại bệnh lý trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống và thực tiễn về các bệnh lý ngoại khoa thường gặp thuộc các lĩnh vực: ngoại tiêu hóa - nhi, tiết niệu, lồng ngực – mạch máu, chấn thương – bỏng và thần kinh. Học phần kết hợp chặt chẽ giữa giảng

dạy lý thuyết và thực hành lâm sàng, giúp sinh viên hiểu cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh ngoại khoa thường gặp. Qua đó, sinh viên được rèn luyện tư duy lâm sàng, kỹ năng thăm khám, chẩn đoán và thái độ xử trí ban đầu.

### **19. Module 19: Sản phụ khoa**

Học phần cung cấp kiến thức tổng quát trong lĩnh vực phụ khoa và kiến thức của một thai kỳ bình thường bao gồm những thay đổi trước sinh, trong quá trình chuyển dạ và sau sinh. Sinh viên sẽ được học lý thuyết kết hợp với thảo luận tình huống lâm sàng, thực hành lâm sàng. Học phần giúp sinh viên nhận diện và quản lý một số trường hợp thai nghén nguy cơ cao như chảy máu trong thai kỳ, đẻ khó, một số bệnh lý trong thai kỳ.

### **20. Module 20: Nhi khoa**

Module 20 (Nhi khoa) gồm 45 tiết lý thuyết và 160 tiết lâm sàng sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quá trình tăng trưởng và phát triển của trẻ em; giải thích những khác biệt về giải phẫu, sinh lý các hệ cơ quan trẻ em; qua đó hướng dẫn sinh viên phương pháp tiếp cận chẩn đoán, xử trí các bệnh thường gặp trong Nhi khoa; rèn luyện sinh viên kỹ năng tư vấn chăm sóc, dự phòng cho người nuôi dưỡng trong điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em, kỹ năng giao tiếp, hành vi ứng xử đúng mực đối với bệnh nhân, người nhà, nhân viên y tế, giảng viên, bạn bè và kỹ năng làm việc nhóm cũng như trình bày một vấn đề cụ thể trước đám đông.

### **21. Module 21: Y học cộng đồng 1**

#### **21.1. Tâm lý – Đạo đức y học – GDSK**

Học phần Tâm lý-Đạo đức y học-GDSK trang bị cho sinh viên Y khoa những kiến thức cơ bản về tâm lý học, tâm lý y học, các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến sức khỏe và bệnh tật, tâm lý trong khám chữa bệnh và các nguyên lý cơ bản của đạo đức nghề nghiệp y học. Học phần góp phần hình thành nhân cách người thầy thuốc có phẩm chất, năng lực và tác phong chuyên nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về truyền thông – giáo dục sức khỏe (TT-GDSK), hành vi sức khỏe, các nguyên tắc trong TT-GDSK, các phương pháp -phương tiện TT-GDSK, kỹ năng TT-GDSK và lập kế hoạch chương trình TT-GDSK. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên các nội dung GDSK đáng quan tâm hiện nay tại Việt Nam, góp phần nâng cao năng lực thực hành và ứng dụng TT-GDSK trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

#### **21.2. Dinh dưỡng – VSATTP – SKMT và SKNN**

Học phần Dinh dưỡng-VSATTP-SKMT và SKNN trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức và kỹ năng cơ bản về dinh dưỡng và sức khỏe môi trường – nghề nghiệp. Nội dung bao gồm vai trò của dinh dưỡng trong chăm sóc sức khỏe, các nhóm chất dinh dưỡng thiết yếu, nhu cầu theo vòng đời và các bệnh lý liên quan đến thiếu – thừa dinh dưỡng. Đồng thời, học phần giới thiệu các phương pháp nuôi dưỡng qua đường tiêu hóa (EN) và ngoài đường tiêu hóa (PN) cùng các kỹ năng đánh giá tình trạng dinh dưỡng và xây dựng chế độ ăn phù hợp. Song song đó, sinh viên được học về mối quan hệ giữa môi trường, nghề nghiệp và sức khỏe con người, bao gồm vệ sinh nước, đất, không khí, quản lý chất thải và các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động như tiếng ồn, bụi, hóa chất. Qua thực hành, sinh viên phát triển năng lực đánh giá, phân tích và đề xuất giải pháp dự phòng nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động.

#### **21.3. Dịch tễ học - Dân số**

Học phần Dịch tễ học-Dân số trang bị các nội dung dịch tễ học cơ bản và bệnh truyền nhiễm, cách xác định và mô tả tình hình sức khỏe và bệnh tật Cộng đồng; trình bày được cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; trình bày được các bệnh nhiễm trùng và quá trình lan truyền của các bệnh dịch trong cộng đồng. Bên cạnh đó, trang bị về những kiến thức cơ bản dân số học trong sức khỏe Cộng đồng. Các chỉ số dân số học sử dụng trong sức khỏe Cộng đồng. Tình trạng sức khỏe Cộng đồng trên cơ sở dân số học. Các cách dự báo dân số và chất lượng dân số trong bối cảnh hiện tại, tình hình già hoá dân số và đô thị hoá.

### **22. Module 22: Y học cộng đồng 2**

#### **22.1. CTYTQG, TCYT, KTYT – Y pháp**

Module CTYTQG, TCYT, KTYT, Y pháp cung cấp cho sinh viên Y khoa những kiến thức tổng quan và nền tảng về hệ thống y tế, chính sách y tế, kinh tế y tế và kiến thức pháp y cần thiết trong thực hành nghề nghiệp. Nội dung bao gồm: Chương trình Y tế Quốc gia - giới thiệu về các chương trình mục tiêu và chiến lược quốc gia về sức khỏe, đặc biệt là phòng chống bệnh không lây nhiễm; Tổ chức và Quản lý Y tế - phân tích hệ thống tổ chức y tế từ trung ương đến địa phương, các chính sách y tế, và các nguyên tắc quản lý trong lĩnh vực y tế; Kinh tế Y tế - trình bày các khái niệm cơ bản của kinh tế học ứng dụng trong y tế, bao gồm phân tích chi phí, các phương pháp đánh giá kinh tế, tài chính y tế và bảo hiểm y tế. Bên cạnh đó, module còn trang bị các kiến thức cơ bản về pháp y nhằm hỗ trợ sinh viên giải quyết đúng đắn, chính xác những vụ việc liên quan đến pháp lý trong công tác khám, chẩn đoán và điều trị hàng ngày ở các cơ sở y tế. Module này giúp bác sĩ tương lai hiểu rõ bối cảnh hệ thống nơi họ sẽ hành nghề, từ đó có thể tham gia hiệu quả vào việc cung cấp dịch vụ và cải thiện sức khỏe cộng đồng.

## **22.2. Thực tập cộng đồng**

Học phần Thực tập cộng đồng nhằm giúp người học tiếp cận thực tế công tác y tế tại cộng đồng. Sinh viên sẽ tìm hiểu cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của các khoa/phòng chuyên môn như phòng chống bệnh truyền nhiễm và không lây nhiễm, kiểm dịch y tế quốc tế, sức khỏe sinh sản, truyền thông giáo dục sức khỏe, dinh dưỡng – an toàn thực phẩm và y tế trường học. Các hoạt động thực hành bao gồm đánh giá chương trình tiêm chủng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dân số – KHHGĐ. Ngoài ra, sinh viên sẽ tham gia thảo luận, thu thập số liệu, phỏng vấn cán bộ chuyên môn, viết báo cáo phân tích thực trạng và so sánh với các quy định hiện hành, từ đó đề xuất giải pháp cải thiện phù hợp với điều kiện địa phương. Trong quá trình thực tập, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng như làm việc nhóm, thu thập và xử lý thông tin, phân tích số liệu, tư duy hệ thống, truyền thông giáo dục sức khỏe và viết báo cáo. Đây là cơ hội để sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực y tế dự phòng tại cộng đồng.

## **23. Module 23: Huyết học và Ung bướu**

Học phần Huyết học – Ung bướu cung cấp những kiến thức cơ bản về bệnh học huyết học và ung bướu thường gặp: cách khám, chẩn đoán và điều trị. Học phần bao gồm 03 tín chỉ trong đó gồm 02 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hành; nội dung lý thuyết sẽ được dạy trước trên giảng đường, sau đó sinh viên sẽ được thực hành những nội dung đã học theo lịch phân công thực hành.

## **24. Module 24: Cấp cứu đa khoa, GMHS**

Học phần Cấp cứu đa khoa và Gây mê Hồi sức thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực này. Nội dung học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức y học cơ sở, dược lý và các chuyên ngành liên quan để thực hành cấp cứu và gây mê hồi sức, đồng thời sử dụng được một số máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

Học phần giữ vai trò then chốt trong chương trình đào tạo Y khoa, tạo sự gắn kết với các học phần lâm sàng khác như Nội, Ngoại, Nhi, Sản. Qua đó, sinh viên phát triển năng lực tư duy lâm sàng và kỹ năng thực hành, sẵn sàng tham gia chăm sóc và xử trí người bệnh trong các tình huống cấp cứu và phẫu thuật thường gặp.

Ngoài chuyên môn, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng bổ trợ như tự học, làm việc độc lập và làm việc nhóm; khả năng phân tích, giải quyết vấn đề; cùng với thái độ đồng cảm, thấu hiểu bệnh nhân trong quá trình khám chữa bệnh, đáp ứng các tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp của bác sĩ.

## **25. Module 25: Y học cổ truyền**

Sau khi hoàn thành module này, sinh viên sẽ nắm vững những kiến thức cơ bản về Y học cổ truyền, bao gồm lý luận cơ bản, châm cứu, các phương pháp điều trị không dùng thuốc, dược liệu cổ truyền và nguyên tắc chữa bệnh theo Y học cổ truyền. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để thực hiện các kỹ năng cơ bản trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh theo phương pháp Y học cổ truyền. Đồng thời, có thể áp dụng một số phương pháp chăm sóc

sức khỏe để phòng và chữa bệnh dựa trên nguyên lý của Y học cổ truyền trong thực tiễn người bệnh và cộng đồng.

## **26. Module 26: Truyền nhiễm, Lao**

Module 26 bao gồm 2 học phần Truyền nhiễm và Lao, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về các bệnh truyền nhiễm và lao. Nội dung học phần tập trung vào tác nhân gây bệnh, đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng – cận lâm sàng, nguyên tắc chẩn đoán, điều trị và các biện pháp dự phòng ở cấp độ cá nhân, gia đình và cộng đồng. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nhận biết, xử trí và tư vấn dự phòng đối với các bệnh truyền nhiễm thường gặp do vi rút, vi khuẩn, ký sinh trùng gây ra. Học phần giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa, tạo nền tảng để sinh viên tiếp thu tốt hơn các học phần lâm sàng nội, nhi, y tế công cộng và thực hành tại bệnh viện, đồng thời củng cố năng lực chẩn đoán, điều trị và phòng chống dịch bệnh trong thực tiễn y khoa.

## **27. Module 27: Tâm thần, Thần kinh**

Module 27 bao gồm 2 học phần Tâm thần và Thần kinh, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các rối loạn tâm thần và bệnh lý thần kinh. Nội dung học phần tập trung vào đặc điểm dịch tễ, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, nguyên tắc chẩn đoán, điều trị và các biện pháp dự phòng ở cấp độ cá nhân, gia đình và cộng đồng. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nhận biết, xử trí và tiên lượng đối với các rối loạn tâm thần và bệnh lý thần kinh. Học phần giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo bác sĩ y khoa, tạo nền tảng để sinh viên tiếp thu tốt hơn các học phần lâm sàng nội, nhi, ngoại, sản, phục hồi chức năng, y tế công cộng và thực hành tại bệnh viện, đồng thời củng cố năng lực chẩn đoán, điều trị và dự phòng trong thực tiễn y khoa.

## **28. Module Phục hồi chức năng, Mắt**

### **28.1. Phục hồi chức năng**

Module Phục hồi chức năng cung cấp cho sinh viên kiến thức về đại cương phục hồi chức năng (PHCN), các phương pháp vật lý trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu và lượng giá hoạt động chức năng. Sinh viên sẽ được học cách áp dụng PHCN cho các tình trạng bệnh lý cụ thể như: tổn thương tủy sống, chấn thương chỉnh hình, bệnh khớp, hô hấp, đột quỵ và các khuyết tật ở trẻ em. Module này nhấn mạnh việc kết hợp các phương pháp điều trị không dùng thuốc và PHCN tại cộng đồng để tối ưu hóa khả năng hoạt động chức năng của người bệnh.

### **28.2. Mắt**

Module Mắt cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các bệnh lý mắt thường gặp, kỹ năng tiếp cận, chẩn đoán và trình bày được nguyên tắc điều trị các bệnh lý mắt thông thường. Sinh viên sau khi học xong có thể nắm được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý hay gặp ở mắt, chú ý vấn đề dự phòng, tư vấn cộng đồng. Ngoài kiến thức lý thuyết, học phần tập trung rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua các buổi thực hành để sinh viên được học cách chẩn đoán, xử trí các bệnh lý cấp cứu ở mắt: glôcôm, chấn thương, bong mắt...tư vấn chuyển tuyến kịp thời; phân loại nguyên nhân và xử trí ban đầu các bệnh đỏ mắt, các mức độ mờ mắt; phân biệt nguyên nhân mờ mắt có kèm hoặc không kèm đỏ mắt...

## **29. Module 29: Tự chọn**

### **29.1. Da liễu**

Module Da liễu là cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về chuyên ngành Da liễu làm nền tảng cho y học lâm sàng. Sau khi học xong module này, sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nhận biết thương tổn da, chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh da liễu thường gặp, bao gồm các bệnh lý ngoài da và bệnh lý lây truyền qua đường tình dục. Đây là module tự chọn, thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành và được bố trí vào năm thứ 5 của chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa.

### **29.2. Lão khoa**

Module Lão khoa trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và cập nhật về các bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi, đặc điểm sinh lý bệnh của quá trình lão hóa, các hội chứng lão

khoa và nguyên tắc điều trị toàn diện. Sinh viên được rèn luyện tư duy lâm sàng, kỹ năng nhận định và xử trí các vấn đề nội khoa đặc thù ở người cao tuổi, có thái độ đúng đắn trong chăm sóc và giao tiếp với bệnh nhân cao tuổi. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần Nội tổng quát, Nội tiết, Tim mạch, Thần kinh và Hồi sức cấp cứu.

### **29.3. Răng Hàm Mặt**

Học phần RHM trang bị cho sinh viên Y đa khoa những kiến thức cơ bản và thiết yếu về cấu trúc, chức năng và các bệnh lý thường gặp của hệ thống răng miệng. Nội dung học tập tập trung vào giải phẫu - sinh lý răng miệng, các bệnh sâu răng, viêm nha chu, bệnh lý mô miệng, nhiễm trùng vùng hàm mặt, chấn thương hàm mặt và những cấp cứu thường gặp trong Răng hàm mặt. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng lâm sàng cơ bản như khám răng miệng, đánh giá tình trạng vệ sinh răng miệng, nhận biết các dấu hiệu bất thường, chỉ định các xét nghiệm - hình ảnh liên quan và xử trí ban đầu một số tình huống cấp cứu. Học phần cũng nhấn mạnh vai trò của dự phòng, giáo dục sức khỏe răng miệng và phối hợp liên chuyên khoa trong chăm sóc bệnh nhân. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng phát hiện sớm, xử trí ban đầu và chuyển tuyến phù hợp các bệnh lý Răng hàm mặt trong thực hành lâm sàng đa khoa.

### **29.4. Tai Mũi Họng**

Học phần Tai Mũi Họng cung cấp kiến thức và kỹ năng nâng cao về Tai Mũi Họng, tập trung vào: cấp cứu tai mũi họng, chẩn đoán tai mũi họng, bệnh lý tai mũi họng, khối u vùng đầu cổ, biến chứng tai mũi họng-xử trí. Sinh viên sẽ được học lý thuyết kết hợp với thảo luận tình huống lâm sàng, thực hành lâm sàng. Học phần giúp sinh viên nhận diện, chẩn đoán, xử trí và tư vấn các vấn đề tai mũi họng thường gặp, bao gồm những tình huống cấp cứu và bệnh lý phức tạp, chuẩn bị cho thực tập lâm sàng và hành nghề sau này.

## **30. Module 30: Bệnh lý và điều trị Nội khoa**

Sinh viên hiểu được cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, các xét nghiệm cận lâm sàng liên quan, hướng chẩn đoán của một số bệnh lý nội khoa được học trong module này, từ đó làm cơ sở để đưa ra nguyên tắc điều trị và việc lựa chọn nhóm thuốc điều trị. Sinh viên nhớ và vận dụng được các triệu chứng cơ năng, thực thể và cận lâm sàng của các bệnh lý trong thực hành lâm sàng nhằm chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt các bệnh lý này. Sinh viên biết và vận dụng được nguyên tắc điều trị các bệnh lý trong module vào thực tế lâm sàng.

Module 30 giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế lâm sàng, nhằm hình thành và phát triển năng lực nhận biết, chẩn đoán, xử trí và tiên lượng các bệnh lý nội khoa thường gặp. Trong quá trình học, sinh viên được rèn luyện kỹ năng khai thác bệnh sử, khám lâm sàng, chỉ định và phân tích các xét nghiệm cận lâm sàng, xây dựng kế hoạch điều trị và theo dõi bệnh nhân. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên củng cố thái độ nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường bệnh viện, chuẩn bị cho các học phần lâm sàng và thực hành chuyên khoa sâu sau này.

## **31. Module 31: Bệnh lý và điều trị Ngoại khoa**

Module 31.1 – 31.2 (Bệnh lý và điều trị Ngoại khoa) trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống và thực tiễn về các bệnh lý ngoại khoa thường gặp thuộc các lĩnh vực: ngoại tiêu hóa - nhi, tiết niệu, lồng ngực – mạch máu, chấn thương – bỏng và thần kinh. Học phần kết hợp chặt chẽ giữa giảng dạy lý thuyết và thực hành lâm sàng, giúp sinh viên hiểu cơ chế bệnh sinh, triệu chứng học, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh ngoại khoa thường gặp. Qua đó, sinh viên được rèn luyện tư duy lâm sàng, kỹ năng thăm khám, chẩn đoán và thái độ xử trí ban đầu.

## **32. Module 32: Bệnh lý và điều trị Sản phụ khoa**

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng nâng cao về sản phụ khoa, tập trung vào: cấp cứu sản khoa, chẩn đoán tiền sản, bệnh lý sản khoa, khối u phụ khoa, nội tiết – vô sinh. Sinh viên sẽ được học lý thuyết kết hợp với thảo luận tình huống lâm sàng, thực hành lâm sàng. Học phần giúp sinh viên nhận diện, chẩn đoán, xử trí và tư vấn các vấn đề sản phụ khoa thường gặp, bao gồm những tình huống cấp cứu và bệnh lý phức tạp, chuẩn bị cho thực tập lâm sàng và hành nghề sau này.

### 33. Module 33: Bệnh lý và điều trị Nhi khoa

Module 33 (Bệnh lý và điều trị Nhi khoa) gồm 45 tiết lý thuyết và 120 tiết lâm sàng sẽ trang bị cho sinh viên phương pháp tiếp cận chẩn đoán – xử trí các bệnh lý thường gặp trong Nhi khoa; rèn luyện sinh viên kỹ năng tư vấn chăm sóc, dự phòng cho người nuôi dưỡng trong điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em, kỹ năng giao tiếp, hành vi ứng xử đúng mực đối với bệnh nhân, người nhà, nhân viên y tế, giảng viên, bạn bè và kỹ năng làm việc nhóm cũng như trình bày một vấn đề cụ thể trước đám đông.

### 34. Module 34: Dự án học thuật

Module “Dự án học thuật” là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Module cung cấp các kiến thức và kỹ năng nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học, từ thực hành xác định ý tưởng, mục tiêu nghiên cứu, viết đề cương đến tổ chức thực hiện dự án và báo cáo đánh giá kết quả. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết trong việc hình thành ý tưởng, xây dựng và triển khai một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực sức khỏe. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm và vai trò của nghiên cứu khoa học, các loại thiết kế nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu và ước tính cỡ mẫu, kỹ thuật thu thập và phân tích số liệu, cũng như các nguyên tắc viết báo cáo và công bố công trình nghiên cứu. Song song với phần lý thuyết, sinh viên được thực hành qua các hoạt động như xây dựng đề cương nghiên cứu, phân tích và diễn giải số liệu, viết báo cáo và phản biện đề cương theo nhóm. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy khoa học, khả năng làm việc nhóm, tính trung thực và đạo đức trong nghiên cứu, đồng thời tạo nền tảng cho việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp và nghiên cứu chuyên sâu trong tương lai. Sinh viên sẽ trải nghiệm quy trình làm việc nhóm dưới sự gợi ý của giảng viên hướng dẫn, đồng thời rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý đề tài nghiên cứu. Module có vai trò gắn kết giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn nghiên cứu chuyên ngành, đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho các học phần chuyên môn, thực hành lâm sàng và chuẩn bị cho khóa luận tốt nghiệp.

### 35. Module 35: Tốt nghiệp

Module Tốt nghiệp (Đánh giá năng lực tốt nghiệp) là học phần cuối cùng trong chương trình đào tạo Y khoa, nhằm đánh giá toàn diện kiến thức, kỹ năng và năng lực lâm sàng trong đào tạo 6 năm học. Học phần bao gồm hai phần: Lý thuyết và thực hành. Lý thuyết trắc nghiệm MCQ, Thực hành: đánh giá năng lực khám, biện luận chẩn đoán lâm sàng, điều trị (Năng lực điều trị tổng hợp, kiểm tra khả năng lâm sàng, tư duy chẩn đoán). Học phần này đảm bảo sinh viên đạt chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp và có khả năng hành nghề độc lập. Module kế thừa và tích hợp kiến thức từ các module trong chuyên ngành đào tạo từ hệ cơ quan đến các Module lâm sàng. Hoàn thành học phần là điều kiện tiên quyết để được công nhận tốt nghiệp và đăng ký hành nghề hoặc học sau đại học.

### 10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo

| MD số | Tên Module                                                                    | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |                                                                               |          |                      |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
| 1     | Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục Y học | 2        | Hoàng Bùi Bảo        | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                                                               |          | Vĩnh Khánh           | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                                               |          | Đặng Công Thuận      | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                                                               |          | Lê Văn Chi           | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                                               |          | Trần Như Minh Hằng   | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                                               |          | Trần Thị Lợi         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                                               |          | Bùi Bình Bảo Sơn     | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module                                       | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên                                       | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|--------------------------------------------------|----------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |                                                  |          |                                                            |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |                                                  |          | Phan Thị Minh Phương                                       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                                  |          | Ngô Viết Quỳnh Trâm                                        | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                                  |          | Nguyễn Thanh Tùng                                          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                                  |          |                                                            |                                   |                 |              |                |           |
| 2     | Phát triển thể chất và Năng lực ngoại ngữ cơ bản | 7        | Các giảng viên thuộc Khoa thể chất, Đại học Huế            |                                   |                 |              |                |           |
|       |                                                  |          | Các giảng viên thuộc Khoa Tiếng anh, Đại học Ngoại ngữ Huế |                                   |                 |              |                |           |
| 3     | Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành    | 15       | Nguyễn Thê Phúc                                            | Tiến sĩ                           |                 |              | X              |           |
|       |                                                  |          | Hà Lê Dũng                                                 | Thạc sỹ                           |                 |              | X              |           |
|       |                                                  |          | Lê Bình Phương Luân                                        | Thạc sỹ                           |                 |              | X              |           |
|       |                                                  |          | Dư Thị Huyền                                               | Thạc sỹ                           |                 |              | X              |           |
|       |                                                  |          | Nguyễn Thị Thắng                                           | Tiến sĩ                           |                 |              | X              |           |
|       |                                                  |          | Trần Thị Giang                                             | Thạc sỹ                           |                 |              | X              |           |
|       |                                                  |          | Nguyễn Thị Hiền                                            | Thạc sỹ                           |                 |              | X              |           |
|       |                                                  |          | Nguyễn Thị Hoa                                             | Tiến sĩ                           |                 |              | X              |           |
|       |                                                  |          | Trần Thị Hồng Minh                                         | Tiến sĩ                           |                 |              | X              |           |
|       |                                                  |          | Đào Thế Đồng                                               | Thạc sỹ                           |                 |              | X              |           |
|       |                                                  |          | Nguyễn Phạm Thanh Vân                                      | Tiến sĩ                           |                 |              | X              |           |
|       |                                                  |          | Lê Thị Minh Trang                                          | Thạc sỹ                           |                 |              | X              |           |
|       |                                                  |          | Nguyễn Thị Vân An                                          | Thạc sỹ                           |                 |              | X              |           |
| 4     | Khoa học cơ bản                                  | 10       | Hoàng Thanh Hải                                            | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Nguyễn Đức Tùng                                            | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Hoàng Minh Vũ                                              | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Lê Đình Dương                                              | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Trần Xuân Minh Trí                                         | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Trần Thị Mai Liên                                          | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Lê Thị Kim Dung                                            | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Đặng Thị Ngọc Hoa                                          | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Nguyễn Quang Mẫn                                           | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Võ Châu Ngọc Anh                                           | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Nguyễn Vĩnh Phú                                            | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Nguyễn Minh Hoa                                            | PGS.TS                            | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Võ Thị Tuyết Vi                                            | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Ngô Thị Thuận                                              | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Đỗ Quang Tâm                                               | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Nguyễn Thanh Thảo                                          | PGS.TS                            | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Hà Thị Hiền                                                | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Trần Thuý Hiền                                             | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Nguyễn Thị Hồng Nga                                        | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                  |          | Huỳnh Minh Sơn                                             | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |

| MD số | Tên Module                    | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên    | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|-------------------------------|----------|-------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |                               |          |                         |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
| 6     | Tư tế bào đến mô              | 5        | Nguyễn Phương Thảo Tiên | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Nguyễn Thị Thùy Uyên    | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Võ Thị Hạnh Thảo        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Nguyễn Phạm Phước Toàn  | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Nguyễn Hữu Trí          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Nguyễn Thành Phúc       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Phan Thị Minh Phương    | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Nguyễn Thị Huyền        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Phan Thị Hằng Giang     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Trần Thanh Loan         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Phan Ngọc Đan Thanh     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Lê Đăng Võ              | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Nguyễn Văn Mão          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Đặng Công Thuận         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Nguyễn Trần Bảo Song    | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Trần Nam Đông           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Lê Thị Thu Thảo         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Trần Thị Nam Phương     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Ngô Quý Trân            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Lê Văn An               | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Trần Đình Bình          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Lê Thị Bảo Chi          | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Ngô Viết Quỳnh Trâm     | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Tôn Nữ Phương Anh       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Ngô Thị Minh Châu       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Lê Chí Cao              | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Võ Minh Tiếp            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Lê Chuyển               | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Trần Văn Hòa            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Nguyễn Lê Hồng Vân      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 7     | Đề kháng và đáp ứng miễn dịch | 6        | Phan Thị Minh Phương    | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Phan Thị Hằng Giang     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Nguyễn Thị Huyền        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Trần Thanh Loan         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Phan Ngọc Đan Thanh     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Lê Đăng Võ              | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Hà Nữ Thùy Dương        | Thạc sỹ, BSCKII                   |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Lê Phan Minh Triết      | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Hoàng Thị Anh Thư       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Nguyễn Quỳnh Châu       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Nguyễn Đắc Duy Nghiêm   | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                               |          | Tôn Nữ Phương Anh       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module  | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên    | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|-------------|----------|-------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |             |          |                         |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |             |          | Ngô Thị Minh Châu       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Lê Chí Cao              | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Võ Minh Tiếp            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thị Châu Anh     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Trần Đình Bình          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Lê Thị Bảo Chi          | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Ngô Viết Quỳnh Trâm     | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Văn Mão          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Đặng Công Thuận         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Lê Chuyển               | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Trần Văn Hòa            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Lê Hồng Vân      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thành Tín        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Đỗ Thị Hồng Diệp        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thị Lan Nhi      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Đặng Thị Cát Vy         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 8     | Hệ Hô hấp   | 3        | Bùi Bình Bảo Sơn        | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Phan Thị Minh Phương    | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Phan Thị Hằng Giang     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thị Huyền        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Phan Ngọc Đan Thanh     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Phương Thảo Tiên | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Võ Thị Hạnh Thảo        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thị Thùy Uyên    | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Trần Bảo Song    | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Hoàng            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thị Thúy Hằng    | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Hoàng Thị Mai Thanh     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Ngô Viết Quỳnh Trâm     | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Lê Thị Bảo Chi          | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Lê Chuyển               | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Trần Văn Hòa            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Lê Hồng Vân      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Đỗ Thị Hồng Diệp        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Hoàng Thị Ngọc Hà       | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Hoàng Trung Hiếu        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 9     | Hệ Tim mạch |          | Nguyễn Thị Thúy Hằng    | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thị Hiếu Dung    | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Minh Quang       | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |

| MD<br>số | Tên<br>Module          | Số<br>ĐVT<br>C | Họ và tên giảng viên    | Chuyên<br>môn theo<br>văn bằng<br>cao nhất | Đơn vị công tác |                 |                      |              |
|----------|------------------------|----------------|-------------------------|--------------------------------------------|-----------------|-----------------|----------------------|--------------|
|          |                        |                |                         |                                            | Trong<br>khoa   | Trong<br>trường | Các<br>đơn vị<br>ĐHH | Ngoài<br>ĐHH |
|          |                        | 4              | Phan Thị Minh Tâm       | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Trần Thị Tiên Xinh      | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Phương Thảo Tiên | Tiến sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Thị Thùy Uyên    | Tiến sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Võ Thị Hạnh Thảo        | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Phan Thị Minh Phương    | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Thị Huyền        | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Phan Thị Hằng Giang     | Tiến sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Trần Thanh Loan         | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Phan Ngọc Đan Thanh     | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Lê Đăng Võ              | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Văn Mão          | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Đặng Công Thuận         | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Lê Chuyển               | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Trần Văn Hòa            | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Lê Hồng Vân      | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Thành Tín        | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Đỗ Thị Hồng Diệp        | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Thị Lan Nhi      | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Đặng Thị Cát Vy         | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Hoàng Thị Ngọc Hà       | Tiến sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Hoàng Trung Hiếu        | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Lê Trọng Bình           | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
| 10       | Hệ Cơ<br>xương<br>khớp | 3              | Lê Nghi Thành Nhân      | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Hữu Trí          | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Bá Lưu           | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Thị Thuý Hằng    | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Hải Quý Trâm     | Tiến sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Thị Hiếu Dung    | Tiến sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Hoàng Thị Mai Thanh     | Tiến sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Phan Trung Nam          | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Bùi Mạnh Hùng           | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Văn Mão          | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Đặng Công Thuận         | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Trần Thị Nam Phương     | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Ngô Viết Quỳnh Trâm     | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Nguyễn Thị Châu Anh     | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |                        |                | Lê Chuyển               | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |

| MD số | Tên Module  | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên    | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|-------------|----------|-------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |             |          |                         |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |             |          | Trần Văn Hòa            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Lê Hồng Vân      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Đỗ Thị Hồng Diệp        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thị Lan Nhi      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Đặng Thị Cát Vy         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Phương Thảo Tiên | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Phạm Phước Toàn  | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Võ Thị Hạnh Thảo        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thị Thùy Uyên    | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thanh Thảo       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Hà Thị Hiền             | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 11    | Hệ Tiêu hóa | 4        | Nguyễn Hữu Trí          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thành Phúc       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Hải Quý Trâm     | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thị Hiếu Dung    | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Hoàng Thị Mai Thanh     | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Phan Trung Nam          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Phương Thảo Tiên | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thị Thùy Uyên    | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Phan Thị Minh Tâm       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Trần Thị Tiên Xinh      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Minh Quang       | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Lê Văn An               | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Lê Thị Bảo Chi          | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thị Khánh Linh   | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Ngô Viết Quỳnh Trâm     | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Phan Thị Minh Phương    | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Phan Thị Hằng Giang     | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Lê Bá Hứa               | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thị Huyền        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Trần Thanh Loan         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Phan Ngọc Đan Thanh     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Lê Chuyên               | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Trần Văn Hòa            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Lê Hồng Vân      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thành Tín        | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Đỗ Thị Hồng Diệp        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Thị Lan Nhi      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Đặng Thị Cát Vy         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |             |          | Nguyễn Văn Mão          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module             | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên    | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|------------------------|----------|-------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |                        |          |                         |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |                        |          | Đặng Công Thuận         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Nguyễn Trần Bảo Song    | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Trần Nam Đông           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Lê Thị Thu Thảo         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Trần Thị Nam Phương     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Ngô Quý Trân            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Lê Trọng Bình           | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Lê Minh Tuấn            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Đặng Cẩm Nhung          | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 12    | Hệ Thận, Tiết niệu     | 2        | Hoàng Bùi Bảo           | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Nguyễn Hoàng            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Hoàng Thị Mai Thanh     | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Nguyễn Phương Thảo Tiên | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Nguyễn Thị Thùy Uyên    | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Võ Thị Hạnh Thảo        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Lê Chuyển               | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Nguyễn Lê Hồng Vân      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Phan Thị Minh Tâm       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Trần Thị Tiên Xinh      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Nguyễn Minh Quang       | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Phan Thị Minh Phương    | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Trần Thanh Loan         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Trần Đình Bình          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Nguyễn Thị Châu Anh     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Trần Thị Sông Hương     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 13    | Hệ Thận kinh, Nội tiết | 3        | Nguyễn Hữu Trí          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Nguyễn Thành Phúc       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Nguyễn Thị Thuý Hằng    | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Nguyễn Hải Quý Trâm     | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Nguyễn Thị Hiếu Dung    | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Hoàng Thị Mai Thanh     | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Phan Trung Nam          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Bùi Mạnh Hùng           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Phan Thị Minh Phương    | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Lê Bá Hứa               | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Nguyễn Thị Huyền        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Phan Thị Hằng Giang     | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Trần Thanh Loan         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Phan Ngọc Đan Thanh     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                        |          | Trần Đình Bình          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module       | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên    | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|------------------|----------|-------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |                  |          |                         |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |                  |          | Nguyễn Thị Châu Anh     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Văn Mão          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Lê Chuyển               | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Lê Hồng Vân      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Trần Văn Hòa            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Thành Tín        | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Đỗ Thị Hồng Diệp        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Thị Lan Nhi      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Đặng Thị Cát Vy         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Lê Văn Ngọc Cường       | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 14    | Hệ Sinh sản      | 2        | Nguyễn Hoàng            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Thị Thuý Hằng    | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Hải Quý Trâm     | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Thị Hiếu Dung    | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Hoàng Thị Mai Thanh     | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Hà Thị Minh Thi         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Lê Phan Tường Quỳnh     | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Ngô Thị Diệu Hương      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Phương Thảo Tiên | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Thị Thùy Uyên    | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Võ Thị Hạnh Thảo        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Đặng Công Thuận         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Trần Thị Nam Phương     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Ngô Quý Trâm            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Lê Chuyển               | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Trần Văn Hòa            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Lê Hồng Vân      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Thành Tín        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Đỗ Thị Hồng Diệp        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Thị Lan Nhi      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Đặng Thị Cát Vy         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Thị Châu Anh     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Trần Thị Sông Hương     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Trần Hồng Phương Dung   | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Văn Nữ Thùy Linh        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 15    | Thực hành Y khoa | 11       | Đào Nguyễn Diệu Trang   | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Dương Thị Ngọc Lan      | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Mai Bá Hải              | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                  |          | Nguyễn Trường Sơn       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |

| MD<br>số | Tên<br>Module | Số<br>ĐVT<br>C | Họ và tên giảng viên      | Chuyên<br>môn theo<br>văn bằng<br>cao nhất | Đơn vị công tác |                 |                      |              |
|----------|---------------|----------------|---------------------------|--------------------------------------------|-----------------|-----------------|----------------------|--------------|
|          |               |                |                           |                                            | Trong<br>khoa   | Trong<br>trường | Các<br>đơn vị<br>ĐHH | Ngoài<br>ĐHH |
|          |               |                | Võ Thanh Tôn              | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trần Thị Nguyệt           | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Đặng Thị Thanh Phúc       | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trần Thị Hằng             | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Lê Văn Chi                | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Hoàng Anh Tiến            | GS.TS                                      |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Hoàng Thanh<br>Vân | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Thị Ý Nhi          | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Phan Hồng Ngọc     | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Văn Thị Minh An           | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Phạm Minh Trãi            | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Lê Thị Hồng Vân           | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Võ Thị Hoài Hương         | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Xuân Nhân          | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Đoàn Phạm Phước Long      | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Phan Thị Thùy Vân         | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Hoàng Ngọc Diệu Trâm      | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trần Duy Khiêm            | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Hồ Ngọc Tiến Đạt          | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Lê Thái Uyên Thi          | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Đặng Thị Châu Anh         | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trần Thanh Tùng           | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Dương Phúc Thái           | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Đặng Ngọc Phương Thảo     | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trương Xuân Long          | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Phạm Minh Đức             | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Nhật Minh          | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Lê Hồng Phúc              | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Phan Đình Tuấn Dũng       | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Lê Đình Dạm               | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Đoàn Văn Phú       | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trần Hữu Dũng             | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trần Văn Khôi             | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Đặng Như Thành            | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Hoàng Đình Anh Hào        | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Võ Minh Nhật              | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trần Nhật Tiến            | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Xuân Mỹ            | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Duy Linh           | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Đinh Thị Phương Hoài      | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Lê Trọng Hiếu             | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trần Đức Hoàng            | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trần Duy Hưng             | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Minh Tâm           | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Hồ Anh Hiến               | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Lê Hồ Thị Quỳnh Anh       | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Voõ Đức Toàn              | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |

| MD<br>số | Tên<br>Module | Số<br>ĐVT<br>C | Họ và tên giảng viên       | Chuyên<br>môn theo<br>văn bằng<br>cao nhất | Đơn vị công tác |                 |                      |              |
|----------|---------------|----------------|----------------------------|--------------------------------------------|-----------------|-----------------|----------------------|--------------|
|          |               |                |                            |                                            | Trong<br>khoa   | Trong<br>trường | Các<br>đơn vị<br>ĐHH | Ngoài<br>ĐHH |
|          |               |                | Dương Quang Tuấn           | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Thị Thanh Huyền     | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Trường An           | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Đặng Lê Hoàng Nam          | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Minh Thảo           | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Thanh Thảo          | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Lê Văn Ngọc Cường          | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trần Thị Sông Hương        | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Hoàng Thị Ngọc Hà          | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Lê Trọng Bình              | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Hoàng Trung Hiếu           | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trần Hồng Phương Dung      | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Hà Thị Hiền                | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Văn Nữ Thùy Linh           | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Lê Minh Tuấn               | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Đặng Cẩm Nhung             | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Ngô Đắc Hồng Ân            | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Phan Thị Thanh Hương       | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Thị Hiền            | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Vũ Quốc Huy         | GS.TS                                      |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Lê Minh Tâm                | GS.TS                                      |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Thị Kim Anh         | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Cao Ngọc Thành             | GS.TS                                      |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trương Quang Vinh          | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Võ Văn Đức                 | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Lê Lam Hương               | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trương Thị Linh Giang      | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Trần Thảo<br>Nguyên | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Võ Văn Khoa                | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Hoàng Thế Hiệp             | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Đắc Nguyên          | Tiến sĩ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trần Doãn Tú               | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Trần Thị Ngọc Bích         | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Nguyễn Tuyết Trinh         | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Phạm Thị Thạch Thảo        | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Võ Hoàng Lâm               | Thạc sỹ                                    |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Bùi Bình Bảo Sơn           | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |
|          |               |                | Phan Hùng Việt             | PGS.TS                                     |                 | X               |                      |              |

| MD số | Tên Module     | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên      | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|----------------|----------|---------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |                |          |                           |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |                |          | Hoàng Thị Thuỷ Yên        | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Nguyễn Thị Cự             | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Tôn Nữ Vân Anh            | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Nguyễn Hữu Châu Đức       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Nguyễn Thị Thanh Bình (C) | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Nguyễn Phúc Thu Trang     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Hồ Lý Minh Tiên           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Nguyễn Duy Nam Anh        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Nguyễn Thị Thanh Bình (E) | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Lê Thy Phương Anh         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Đỗ Hồ Tĩnh Tâm            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Phạm Võ Phương Thảo       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Nguyễn Văn Tuy            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Trần Vĩnh Phú             | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Lê Bình Phương Nguyên     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Lê Thị Mai Anh            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Nguyễn Linh Giang         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Đặng Thị Thu Hằng         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Trương Thị Na             | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 16    | Y học gia đình | 5        | Nguyễn Minh Tâm           | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Hồ Anh Hiến               | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Lê Hồ Thị Quỳnh Anh       | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Võ Đức Toàn               | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Dương Quang Tuấn          | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Nguyễn Thị Thanh Huyền    | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Hoàng Anh Tiến            | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Ngô Viết Quỳnh Trâm       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Nguyễn Thanh Thảo         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Nguyễn Hữu Châu Đức       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Ngô Thị Minh Châu         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Dương Thị Ngọc Lan        | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Lê Văn Nhật Thắng         | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Trần Văn Huy              | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
| 17    | Nội khoa       |          | Lê Văn Chi                | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Hoàng Bùi Bảo             | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Huỳnh Văn Minh            | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Nguyễn Hải Thủy           | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Võ Tam                    | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Nguyễn Đình Toàn          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                |          | Hoàng Viết Thắng          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên   | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|------------|----------|------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |            |          |                        |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |            | 16       | Nguyễn Anh Vũ          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Thị Bích Thuận      | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Hoàng Anh Tiến         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Hoàng Thanh Vân | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thị Ý Nhi       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Phan Hồng Ngọc  | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Văn Thị Minh An        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Đoàn Thị Thiện Hảo     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Phạm Minh Trãi         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Thị Hồng Vân        | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Phước Hoàng         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Võ Thị Hoài Hương      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Xuân Nhân       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Đoàn Phạm Phước Long   | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Phan Thị Thùy Vân      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Hoàng Ngọc Diệu Trâm   | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Trần Duy Khiêm         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Thanh Minh Triết    | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Trần Thị Kim Anh       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Hồ Ngọc Tiến Đạt       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Thái Uyên Thi       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Đặng Thị Châu Anh      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Trần Thanh Tùng        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Dương Phúc Thái        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Đặng Ngọc Phương Thảo  | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Trương Xuân Long       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 18    | Ngoại khoa |          | Lê Nghi Thành Nhân     | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Khoa Hùng       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Đình Khánh          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Phạm Anh Vũ            | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Quang Thửu          | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Phạm Minh Đức          | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Nhật Minh       | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thanh Xuân      | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Hồng Phúc           | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Phan Đình Tuấn Dũng    | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thanh Minh      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Đình Dạm            | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Đoàn Văn Phú    | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Trần Hữu Dũng          | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module   | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên      | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|--------------|----------|---------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |              |          |                           |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |              | 12       | Trần Văn Khôi             | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Đặng Như Thành            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Hoàng Đình Anh Hào        | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Võ Minh Nhật              | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Trần Nhật Tiến            | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Nguyễn Xuân Mỹ            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Nguyễn Duy Linh           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Đinh Thị Phương Hoài      | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Trần Đức Hoàng            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Lê Trọng Hiếu             | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 19    | Sân Phụ khoa | 7        | Nguyễn Vũ Quốc Huy        | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Lê Minh Tâm               | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Nguyễn Thị Kim Anh        | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Cao Ngọc Thành            | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Trương Quang Vinh         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Võ Văn Đức                | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Lê Lam Hương              | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Trương Thị Linh Giang     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Nguyễn Trần Thảo Nguyên   | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Võ Văn Khoa               | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Hoàng Thế Hiệp            | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Nguyễn Đắc Nguyên         | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Trần Doãn Tú              | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Trần Thị Ngọc Bích        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Nguyễn Tuyết Trinh        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Phạm Thị Thạch Thảo       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Võ Hoàng Lâm              | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 20    | Nhi khoa     | 7        | Bùi Bình Bảo Sơn          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Phan Hùng Việt            | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Hoàng Thị Thuỷ Yên        | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Nguyễn Thị Cự             | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Tôn Nữ Vân Anh            | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Nguyễn Hữu Châu Đức       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Nguyễn Thị Thanh Bình (C) | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Nguyễn Phúc Thu Trang     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Hồ Lý Minh Tiên           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Nguyễn Duy Nam Anh        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Nguyễn Thị Thanh Bình (E) | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |              |          | Đỗ Hồ Tĩnh Tâm            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module        | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên   | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|-------------------|----------|------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |                   |          |                        |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |                   |          | Phạm Võ Phương Thảo    | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                   |          | Nguyễn Văn Tuy         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                   |          | Trần Vĩnh Phú          | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                   |          | Lê Bình Phương Nguyên  | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                   |          | Lê Thị Mai Anh         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                   |          | Nguyễn Linh Giang      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                   |          | Đặng Thị Thu Hằng      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                   |          | Trương Thị Na          | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 21    | Y học cộng đồng 1 | 8        | Hoàng Thị Bạch Yến     | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Nguyễn Thị Thanh Nhân  | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Trần Thị Táo           | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Bùi Thị Phương Anh     | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Đặng Thị Anh Thư       | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Nguyễn Thanh Gia       | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Nguyễn Đình Minh Mẫn   | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Nguyễn Thị Hường       | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Trần Đại Tri Hân       | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Nguyễn Thị Nga         | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Võ Minh Hoàng          | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Nguyễn Hoàng Thùy Linh | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Lê Đình Dương          | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Trần Xuân Minh Trí     | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Trần Thị Mai Liên      | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Hoàng Đình Tuyên       | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Nguyễn Văn Hùng        | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Đoàn Vương Diễm Khánh  | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Trần Bình Thắng        | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Võ Nữ Hồng Đức         | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
| 22    | Y học cộng đồng 2 | 4        | Đặng Cao Khoa          | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Nguyễn Thị Đăng Thư    | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Đoàn Phước Thuộc       | PGS.TS                            | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Nguyễn Minh Tâm        | PGS.TS                            | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Nguyễn Hoàng Lan       | PGS.TS                            | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Ngô Viết Lộc           | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Trần Bình Thắng        | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Trần Thị Thanh Nhân    | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Trần Văn Vui           | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Nguyễn Trần Bảo Song   | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Trần Thị Nam Phương    | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Ngô Quý Trân           | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                   |          | Đặng Thị Anh Thư       | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |

| MD số | Tên Module            | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên      | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|-----------------------|----------|---------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |                       |          |                           |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |                       |          | Hoàng Thị Bạch Yến        | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Hoàng Thuỳ Linh    | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Văn Hùng           | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
| 23    | Huyết học và Ung bướu | 3        | Hà Nữ Thủy Dương          | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Lê Phan Minh Triết        | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Hoàng Thị Anh Thư         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Đắc Duy Nghiêm     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Văn Cầu            | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Phùng Phương              | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Hồ Xuân Dũng              | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Trần Thúc Huân     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Thị Hồng Chuyên    | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Thị Thuý           | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Lê Thanh Huy              | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Hoàng Hữu                 | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Hà Thanh Thanh            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 24    | Cấp cứu đa khoa, GMHS | 4        | Nguyễn Văn Minh           | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Trần Xuân Thịnh           | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Bùi Thị Thương            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Lê Văn Tâm                | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Trần Thị Thu Lành         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Lê Văn Long               | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Phạm Thị Minh Thư         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Bùi Thị Thúy Nga          | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Võ Việt Hà                | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Phan Thắng                | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Khánh Huy          | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Trần Vũ Huân              | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 25    | Y học cổ truyền       | 3        | Nguyễn Thị Tân            | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Phạm Thị Xuân Mai         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Đoàn Văn Minh             | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Trần Nhật Minh            | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Văn Hưng           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Thị Hương Lam      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Ngọc Lê            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Thiện Phước        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Lê Thị Thu Thảo           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Viết Phương Nguyên | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Lê Thị Minh Thảo          | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                       |          | Nguyễn Quang Tâm          | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module              | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên   | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|-------------------------|----------|------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |                         |          |                        |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |                         |          | Nguyễn Thị Kim Liên    | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Đoàn Thị Nhật Lệ       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Trương Thanh Tú        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Lê Công Hậu            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Châu Văn Hảo           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Lê Thị Khánh Ly        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 26    | Truyền nhiễm, Lao       | 4        | Nguyễn Thị Bình Nguyên | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Trần Xuân Chương       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Phan Từ Khánh Phương   | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Nguyễn Thị Phương Thảo | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Nguyễn Duy Bình        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Trần Hùng              | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Phạm Văn Đức           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Trần Thị Hồng Vân      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 27    | Tâm thần, Thần kinh     | 4        | Trần Như Minh Hằng     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Trần Thị Trà My        | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Võ Thị Hân             | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Nguyễn Quang Ngọc Linh | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Lê Trần Tuấn Anh       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Nguyễn Đình Toàn       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Nguyễn Duy Duẩn        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Nguyễn Xuân Nhân       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Trần Thị Kim Anh       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Hồ Ngọc Tiến Đạt       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Dương Phúc Thái        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          |                        |                                   |                 |              |                |           |
| 28    | Phục hồi chức năng, Mắt | 6        | Lê Viết Nhật Hưng      | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Trần Nguyễn Trà My     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Phan Văn Năm           | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Đỗ Long                | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Thân Thị Ngân          | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Hà Chân Nhân           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Tôn Thất Minh Đạt      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Trần Thị Quỳnh Trang   | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Nguyễn Thị Vân Kiều    | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Nguyễn Phước Minh Tâm  | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Đặng Thị Thu Hằng      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Trương Thị Hải Anh     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 29    | Tự chọn: SV chọn 1      | 6        | Mai Bá Hoàng Anh       | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                         |          | Nguyễn Thị Trà My      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module                                                   | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên   | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|--------------------------------------------------------------|----------|------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |                                                              |          |                        |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       | trong 2 tổ hợp:<br>1. Da liễu;<br>Lão khoa<br>2. RHM;<br>TMH |          | Võ Tường Thảo Vy       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Mai Thị Cẩm Cát        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Trần Văn Huy           | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Hoàng Anh Tiến         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Nguyễn Hoàng Thanh Vân | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Nguyễn Thị Ý Nhi       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Lê Văn Chi             | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Văn Thị Minh An        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Nguyễn Đình Toàn       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Dương Phúc Thái        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Đặng Ngọc Phương Thảo  | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Trương Xuân Long       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Hoàng Ngọc Diệu Trâm   | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Trần Tấn Tài           | PGS.TS                            | X               |              |                |           |
|       |                                                              |          | Nguyễn Văn Minh        | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                              |          | Lê Hà Thuỳ Nhung       | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                              |          | Nguyễn Thị Nhật Vy     | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                              |          | Hồ Sỹ Minh Đức         | Tiến sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                              |          | Nguyễn Đức Quỳnh Trang | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                              |          | Nguyễn Thanh Minh      | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                                                              |          | Lê Thanh Thái          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Đặng Thanh             | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Nguyễn Nguyễn          | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Phan Hữu Ngọc Minh     | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Hồ Minh Trí            | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Hoàng Phước Minh       | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Dương Thị Mỹ           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 30    | Bệnh lý và điều trị Nội khoa                                 | 6        | Trần Văn Huy           | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Lê Văn Chi             | Tiến sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Hoàng Bùi Bảo          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Huỳnh Văn Minh         | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Nguyễn Hải Thủy        | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Võ Tam                 | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Hoàng Viết Thắng       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Nguyễn Anh Vũ          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                                              |          | Lê Thị Bích Thuận      | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module                     | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên   | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|--------------------------------|----------|------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |                                |          |                        |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |                                |          | Hoàng Anh Tiến         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Nguyễn Hoàng Thanh Vân | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Nguyễn Thị Ý Nhi       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Nguyễn Phan Hồng Ngọc  | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Văn Thị Minh An        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Đoàn Thị Thiện Hảo     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Phạm Minh Trãi         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Lê Thị Hồng Vân        | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Lê Phước Hoàng         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Võ Thị Hoài Hương      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Nguyễn Xuân Nhân       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Đoàn Phạm Phước Long   | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Phan Thị Thùy Vân      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Hoàng Ngọc Diệu Trâm   | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Trần Duy Khiêm         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Lê Thanh Minh Triết    | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Trần Thị Kim Anh       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Hồ Ngọc Tiến Đạt       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Lê Thái Uyên Thi       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Đặng Thị Châu Anh      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Trần Thanh Tùng        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Dương Phúc Thái        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Đặng Ngọc Phương Thảo  | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Trương Xuân Long       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 31    | Bệnh lý và điều trị Ngoại khoa |          | Lê Nghi Thành Nhân     | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Nguyễn Khoa Hùng       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Lê Đình Khánh          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Phạm Anh Vũ            | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Lê Quang Thứ           | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Phạm Minh Đức          | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Nguyễn Nhật Minh       | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Nguyễn Thanh Xuân      | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Lê Hồng Phúc           | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Phan Đình Tuấn Dũng    | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Nguyễn Thanh Minh      | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                |          | Lê Đình Dạm            | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module                       | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên      | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|----------------------------------|----------|---------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |                                  |          |                           |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |                                  | 6        | Nguyễn Đoàn Văn Phú       | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Trần Hữu Dũng             | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Trần Văn Khôi             | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Đặng Như Thành            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Hoàng Đình Anh Hào        | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Võ Minh Nhật              | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Trần Nhật Tiến            | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Nguyễn Xuân Mỹ            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Nguyễn Duy Linh           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Đinh Thị Phương Hoài      | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Trần Đức Hoàng            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Lê Trọng Hiếu             | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 32    | Bệnh lý và điều trị Sản phụ khoa | 6        | Nguyễn Vũ Quốc Huy        | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Lê Minh Tâm               | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Nguyễn Thị Kim Anh        | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Cao Ngọc Thành            | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Trương Quang Vinh         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Võ Văn Đức                | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Lê Lam Hương              | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Trương Thị Linh Giang     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Nguyễn Trần Thảo Nguyên   | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Võ Văn Khoa               | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Hoàng Thế Hiệp            | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Nguyễn Đắc Nguyên         | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Trần Doãn Tú              | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Trần Thị Ngọc Bích        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Nguyễn Tuyết Trinh        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Phạm Thị Thạch Thảo       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Võ Hoàng Lâm              | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
| 33    | Bệnh lý và điều trị Nhi khoa     |          | Bùi Bình Bảo Sơn          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Phan Hùng Việt            | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Hoàng Thị Thuỷ Yên        | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Nguyễn Thị Cự             | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Tôn Nữ Vân Anh            | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Nguyễn Hữu Châu Đức       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                                  |          | Nguyễn Thị Thanh Bình (C) | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module      | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên      | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|-----------------|----------|---------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |                 |          |                           |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |                 | 6        | Nguyễn Phúc Thu Trang     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Hồ Lý Minh Tiên           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Nguyễn Duy Nam Anh        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Nguyễn Thị Thanh Bình (E) | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Đỗ Hồ Tĩnh Tâm            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Phạm Võ Phương Thảo       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Nguyễn Văn Tuy            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Trần Vĩnh Phú             | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Lê Bình Phương Nguyên     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Lê Thị Mai Anh            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Nguyễn Linh Giang         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Đặng Thị Thu Hằng         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Trương Thị Na             | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          |                           |                                   |                 |              |                |           |
| 34    | Dự án học thuật | 5        | Nguyễn Thị Hường          | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                 |          | Trần Đại Tri Hân          | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                 |          | Nguyễn Thị Nga            | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                 |          | Võ Minh Hoàng             | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                 |          | Nguyễn Hoàng Thùy Linh    | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                 |          | Lê Đình Dương             | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                 |          | Trần Xuân Minh Trí        | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |                 |          | Trần Thị Mai Liên         | Thạc sỹ                           | X               |              |                |           |
|       |                 |          | Nguyễn Vũ Quốc Huy        | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Hoàng Bùi Bảo             | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Vĩnh Khánh                | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Đặng Công Thuận           | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Võ Đức Toàn               | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Hà Thị Minh Thi           | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Nguyễn Phương Thảo Tiên   | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Ngô Thị Minh Châu         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Nguyễn Thị Huyền          | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Bùi Bình Bảo Sơn          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Phan Thị Hằng Giang       | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Hoàng Anh Tiến            | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Đỗ Thị Hồng Diệp          | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Lê Nghi Thành Nhân        | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |                 |          | Nguyễn Thị Kim Anh        | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên    | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|------------|----------|-------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |            |          |                         |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |            |          | Nguyễn Thị Hiếu Dung    | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Hữu Trí          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Thị Bảo Chi          | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Hoàng Thị Mai Thanh     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Đình Toàn        | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thị Châu Anh     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Minh Tâm             | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Phan Tường Quỳnh     | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Minh Tâm         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Hồ Anh Hiến             | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Trần Văn Huy            | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Nhật Minh        | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thị Kim Anh      | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thị Thanh Bình   | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Văn Cầu          | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Phan Minh Triết      | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Văn Minh         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Trần Xuân Thịnh         | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thị Bình Nguyên  | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Duy Bình         | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Trần Như Minh Hằng      | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Hà Chân Nhân            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Mai Bá Hoàng Anh        | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Viết Nhật Hưng       | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Thanh Thái           | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Phạm Minh Đức           | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
| 35    | Tốt nghiệp | 5        | Nguyễn Vũ Quốc Huy      | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Hoàng Bùi Bảo           | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Vĩnh Khánh              | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Đặng Công Thuận         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Võ Đức Toàn             | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Hà Thị Minh Thi         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Phương Thảo Tiên | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Ngô Thị Minh Châu       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thị Huyền        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Bùi Bình Bảo Sơn        | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |

| MD số | Tên Module | Số ĐVT C | Họ và tên giảng viên   | Chuyên môn theo văn bằng cao nhất | Đơn vị công tác |              |                |           |
|-------|------------|----------|------------------------|-----------------------------------|-----------------|--------------|----------------|-----------|
|       |            |          |                        |                                   | Trong khoa      | Trong trường | Các đơn vị ĐHH | Ngoài ĐHH |
|       |            |          | Phan Thị Hằng Giang    | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Hoàng Anh Tiến         | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Đỗ Thị Hồng Diệp       | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Nghi Thành Nhân     | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thị Kim Anh     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thị Hiếu Dung   | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Hữu Trí         | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Thị Bảo Chi         | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Hoàng Thị Mai Thanh    | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Văn Minh        | Tiến sĩ                           | X               |              |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Đình Toàn       | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thị Châu Anh    | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Minh Tâm            | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Phan Tường Quỳnh    | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Minh Tâm        | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Hồ Anh Hiến            | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Trần Văn Huy           | GS.TS                             |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Nhật Minh       | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thị Kim Anh     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thị Thanh Bình  | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Văn Cầu         | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Phan Minh Triết     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Văn Minh        | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Trần Xuân Thịnh        | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Thị Bình Nguyên | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Nguyễn Duy Bình        | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Trần Như Minh Hằng     | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Hà Chân Nhân           | Thạc sỹ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Mai Bá Hoàng Anh       | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Viêt Nhật Hưng      | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Lê Thanh Thái          | PGS.TS                            |                 | X            |                |           |
|       |            |          | Phạm Minh Đức          | Tiến sĩ                           |                 | X            |                |           |